

Số: 08/2026/CBTT-DVW

Đồng Nai, ngày 03 tháng 04 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai
- Mã chứng khoán: DVW
- Địa chỉ: Số 52 Cách Mạng Tháng 8, Phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Điện thoại liên hệ: (0251) 3941679 Fax: (0251) 3840797
- E-mail: dvxdcn@yahoo.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin Dự thảo Tài liệu Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai – Cập nhật bổ sung lần 1 (đính kèm tài liệu)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 03/04/2026 tại đường dẫn <https://dvxdcn.com/QuanHeCoDong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

**Tài liệu đính kèm:*

- Dự thảo Tài liệu Đại hội đồng cổ
đông thường niên năm 2026;



GIÁM ĐỐC

Trịnh Hùng Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
-----oOo-----



DỰ THẢO

**TÀI LIỆU HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2026**

ĐỒNG NAI, THÁNG 4/2026



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52 -Cách Mạng Tháng 8, P.Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: (0251)3847241;

Fax: (0251)3840797;

MST : 3600978879

Website: <http://www.dvxdcn.com>

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Thời gian: 08 giờ 30 phút ngày 08 tháng 4 năm 2026 (Thứ tư)

Địa điểm: Hội trường Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai.
Số 52, đường CMT8, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.

STT	Thời gian	Nội dung Đại hội
1	07h30'-08h30'	<ul style="list-style-type: none">- Đón tiếp đại biểu và cổ đông.- Kiểm tra tư cách cổ đông, phát tài liệu Đại hội.
2	08h30'-09h00'	<ul style="list-style-type: none">- Chào cờ, Tuyên bố lý do tổ chức Đại hội và Giới thiệu thành phần tham dự.- Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội.- Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội.- Chủ tọa chỉ định các cán bộ của Công ty tham gia điều hành hoạt động của Đại hội và Thư ký Đại hội.- Thông qua danh sách Ban kiểm phiếu- Thông qua Chương trình Đại hội.
3	09h00'-10h20'	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo kết quả SXKD năm 2025, Kế hoạch kinh doanh năm 2026;- Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2025; Kế hoạch hoạt động HĐQT năm 2026;- Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty năm 2025; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên năm 2025;- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025;- Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2025; kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2026;- Tờ trình Quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026;- Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

STT	Thời gian	Nội dung Đại hội
4	10h20'-11h10'	<ul style="list-style-type: none"> - Đại hội thảo luận các nội dung báo cáo và tờ trình do Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trình trước Đại hội. - Ban kiểm phiếu tiến hành thu và kiểm phiếu biểu quyết. Nghị giải lao. - Ban kiểm phiếu công bố kết quả.
6	11h10'-11h30'	<ul style="list-style-type: none"> - Thư ký đọc Biên bản và Nghị quyết Đại hội; - Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị Quyết; - Chủ tọa tuyên bố bế mạc Đại hội.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, P. Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: (0251)3847241;

Fax: (0251)3840797;

MST : 3600978879

Website: <http://www.dvxdcn.com>

Số: 02/TTr- HĐQT-DVW

Trần Biên, ngày 03 tháng 04 năm 2026

QUY CHẾ LÀM VIỆC TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CỦA CÔNG TY CP DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số: 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc sau đây:

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy chế này sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai.

Điều 2. Quy chế quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4. Cổ đông tham dự Đại hội cổ đông

1. Điều kiện tham dự Đại hội:

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai theo danh sách chốt đến ngày **10/03/2026** (ngày đăng ký cuối cùng) hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (ĐHCD) của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai;

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội:

a) Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Bản chính Giấy Căn cước công dân hoặc hộ chiếu;
- Bản chính Phiếu đăng ký/Giấy ủy quyền tham dự họp ĐHCĐ (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

b) Đăng ký tham dự Đại hội: Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội xuất trình các giấy tờ trên cho Ban Tổ chức và được nhận: 01 bộ tài liệu Đại hội, 01 Thẻ biểu quyết, 01 Phiếu biểu quyết, trong đó:

- Một (01) **“Thẻ biểu quyết” màu xanh dương** có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu Công ty. Thẻ này dùng để biểu quyết và thông qua các nội dung theo chương trình Đại hội.

- Một (01) **“Phiếu biểu quyết” màu trắng** có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu Công ty. Phiếu này dùng để thông qua các báo cáo và tờ trình tại Đại hội.

c) Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự trong Đại hội;

d) Cổ đông được quyền ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người thứ ba tham dự Đại hội.

e) Cổ đông hoặc người được ủy quyền khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề người trước đã phát biểu thì không nên phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung, câu hỏi, ý kiến vào giấy để chuyển cho Ban Thư ký.

g) Được tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định tại Luật doanh nghiệp.

h) Cổ đông hoặc người được ủy quyền khi tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

i) Trong thời gian tổ chức Đại hội, các cổ đông phải ăn mặc chỉnh tề, tuân theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự. Tôn trọng quyền điều hành của Chủ tọa, tôn trọng kết quả biểu quyết của Đại hội.

k) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến trễ sau khi Đại hội đã khai mạc thì sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

l) Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội;

m) Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động nên để chế độ im lặng hoặc tắt máy;

n) Trường hợp Cổ đông hoặc người được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

Điều 5. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty làm Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa:

a) Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Chỉ định các cán bộ của Công ty tham gia điều hành hoạt động của Đại hội (nếu cần). Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự và thành công tốt đẹp, đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

b) Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình.

c) Trình dự thảo, kết luận về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

d) Trả lời hoặc chỉ định người trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

e) Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

Điều 6: Ban thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông

Ban thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai đề cử và thành lập. Ban thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm: kiểm tra điều kiện tham dự Đại hội của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với danh sách cổ đông hoặc người được ủy quyền có quyền dự họp theo danh sách Cổ đông đã chốt ngày **10/03/2026**; phát tài liệu Đại hội và Thẻ biểu quyết; báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Điều 7. Thư ký Đại hội

1. Thư ký Đại hội do Chủ tọa Đại hội cử ra theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa Đại hội, bao gồm:



a) Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ các nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;

b) Hỗ trợ Chủ tọa công bố Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội, thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;

c) Tiếp nhận phiếu hỏi, ý kiến của cổ đông.

Điều 8. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội.

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a) Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội;

b) Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và lập Biên bản kiểm phiếu biểu quyết thông báo kết quả cho Chủ tọa và ban Thư ký, chịu trách nhiệm trước Chủ tọa, Đại hội cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình;

c) Xem xét và báo cáo Chủ tọa Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

CHƯƠNG III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp và ủy quyền tham dự đại diện ít nhất trên **50%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt đến ngày **10/03/2026**.

Điều 10. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội cổ đông;

- Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tọa nhất trí mới được phát biểu. Mỗi cổ đông phát biểu ngắn gọn, tránh trùng lặp (không quá 10 phút).

2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông:

- Trên cơ sở các ý kiến phát biểu của cổ đông hoặc người được ủy quyền, Chủ tọa hoặc cán bộ được chỉ định sẽ giải đáp ý kiến cổ đông hoặc người được ủy quyền.

Điều 11. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

1. Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải thông qua bằng cách: lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội theo số cổ phần sở hữu hoặc đại diện.

2. Cách thức biểu quyết:

a) Từng vấn đề được đưa ra trước Đại hội thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ đều được xin ý kiến theo trình tự sau:

- + Tán thành với nội dung vừa được đề trình;
- + Không tán thành với nội dung vừa được đề trình;
- + Không có ý kiến với nội dung vừa được đề trình.

b) Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông sẽ thực hiện biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết và đánh dấu vào ô thích hợp trên Phiếu biểu quyết.

c) Đại biểu biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tọa để biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa. Thành viên Ban kiểm phiếu ghi nhận mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng đại biểu Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến. Phương thức này được dùng để thông qua thành phần Ban kiểm phiếu, thông qua Chương trình Đại hội; các nội dung khác theo diễn biến thực tế tại Đại hội.

d) Đại biểu biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: Đối với từng nội dung, đại biểu lựa chọn 01 trong 03 phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong phiếu biểu quyết. Sau khi hoàn tất các nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu ký tên, ghi đầy đủ họ và tên, sau đó gửi phiếu biểu quyết cho Ban bầu cử và kiểm phiếu.

3. Tính hợp lệ của phiếu biểu quyết

- Phiếu biểu quyết hợp lệ:

+ Là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này, phải có chữ ký và họ tên đầy đủ được viết tay của đại biểu tham dự.

+ Trên Phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn 01 trong 03 ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.

- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:** là phiếu biểu quyết có ghi thêm các nội dung khác, phiếu không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không có đóng dấu của Công ty, hoặc phiếu có tẩy xóa, cạo sửa, không có chữ ký và họ tên đầy đủ của đại biểu. Khi đó, tất cả các nội dung biểu quyết trên phiếu biểu

2. Nếu Đại hội cổ đông thường niên lần thứ hai không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định, thì Đại hội lần thứ ba được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự kiến tổ chức Đại hội lần thứ hai. Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc số cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết. Các vấn đề do Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba biểu quyết thông qua đều được coi là hợp lệ.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14: Quy chế này gồm 4 Chương và 14 Điều do Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai ban hành tuân thủ các quy định pháp luật.

Quy chế này sẽ chính thức có hiệu lực và được áp dụng ngay tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành **trên 50%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và hết hiệu lực khi Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 kết thúc.

Các cổ đông, thành viên Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai chịu trách nhiệm thi hành./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, P. Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: (0251)3847241;

Fax: (0251)3840797;

MST : 3600978879

Website: <http://www.dvxdcn.com>

Số: 01/BC- HĐQT-DVW

Trần Biên, ngày 03 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO

V/v : Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025
và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số: 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai.

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 và thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD THEO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2025.

1. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2025	THỰC HIỆN 2025	TỶ LỆ % TH/KH
1	Doanh thu	triệu đồng	47.080	46.626	99,04
2	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	8.130	9.582	117,86
3	Tỷ lệ thất thoát	%	12	12,41	+0,41
4	Tổng số phát sinh phải nộp NS	triệu đồng	7.190	7.593	105,61
5	Đầu tư xây dựng cơ bản	triệu đồng	14.590	80	0,55

2. Đánh giá chung tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025

Trong năm 2025 hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản của công ty có những thuận lợi, khó khăn sau:



2.1 Thuận lợi

- Được sự quan tâm giúp đỡ của HĐQT, Ban Giám đốc Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai đã hỗ trợ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Công ty hoạt động ổn định và hiệu quả.

- Sự nỗ lực cố gắng của tập thể CB.CNV công ty trong việc thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD năm 2025 đã đề ra; Người lao động của công ty có kinh nghiệm và trình độ, tay nghề đáp ứng được yêu cầu công việc nên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Nguồn khách hàng sử dụng nước ổn định, ngày một gia tăng, chất lượng nguồn nước thô đạt tiêu chuẩn chất lượng nước dùng cho xử lý nước ăn uống theo quy định, đảm bảo cho công ty khai thác đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước ngày một tăng cho sản xuất, sinh hoạt của người dân và doanh nghiệp trên địa bàn công ty phục vụ, tạo nguồn thu ổn định, kinh doanh có lợi nhuận, đảm bảo thực hiện tốt nghĩa vụ với Cổ đông, nhà nước, người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với xã hội.

2.2 Khó khăn:

- Năm 2025 là một năm nền kinh tế gặp nhiều khó khăn đã ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển kinh tế - Xã hội và hoạt động SXKD của các doanh nghiệp, người dân trên địa bàn, làm giảm sản lượng nước tiêu thụ của các hộ dân và doanh nghiệp, kéo theo giảm doanh thu lợi nhuận của công ty.

- Việc mở rộng nâng công suất Nhà máy nước Hóa An từ 15.000 m³/ngày lên 30.000 m³/ ngày (theo Quyết định số: 7350/UBND-CNN ngày 11/9/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai), gặp nhiều khó khăn về thu hồi đất, dự án vướng mắc về phê duyệt quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, bồi thường và giải phóng mặt bằng nên dự án chưa thực hiện được.

- Một số tuyến ống cấp nước trước đây thi công theo hiện trạng, nay nhà nước thi công mở rộng đường theo quy hoạch, Công ty phải tự đầu tư mới các tuyến ống cấp nước nên ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả SXKD của công ty.

2.3 Đánh giá chung:

a. Về công tác sản xuất và cung cấp nước:

Sản lượng nước sản xuất và cung cấp đạt theo kế hoạch năm 2025 đề ra, đáp ứng được nhu cầu sử dụng cho sản xuất, sinh hoạt của các khu dân cư, các cơ quan, Doanh nghiệp trên địa bàn phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Công tác PCCC và ATVSLĐ được thực hiện theo quy định, tình hình an ninh trật tự ổn định, không có sự vụ mất ANTT và ATLĐVSLĐ xảy ra.

b. Về công tác đầu tư XD CB:

Việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình theo kế hoạch năm 2025 còn chậm, chưa hoàn thành kế hoạch đề ra, do năng lực thực

hiện của một số cán bộ Công ty còn hạn chế về năng lực, kinh nghiệm và còn lúng túng về thủ tục, quy trình thực hiện dự án đầu tư XD theo quy định.

c. Về thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động: Tiền lương, thưởng của người lao động được chi trả đầy đủ theo quy định. Việc trích nộp BHXH, BHYT, KPCĐ được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, quy định của Công ty và thỏa ước LĐTT. Thu nhập và đời sống của người lao động ổn định, người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

II- DỰ KIẾN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026.

1. Một số mục tiêu chính kế hoạch SXKD năm 2026 :

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2026
1	Doanh thu	Triệu đồng	48.150
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	9.982
3	Tỷ lệ thất thoát	%	12
4	Tổng số phát sinh phải nộp NS	triệu đồng	7.800
5	Đầu tư xây dựng cơ bản	triệu đồng	32.300

2. Các giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2026.

Phát huy những kết quả đạt được, khắc phục triệt để những hạn chế và khó khăn. HĐQT công ty sẽ chỉ đạo, giám sát Ban điều hành công ty sẽ thực hiện tốt công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên công ty đề ra. Cụ thể thực hiện tốt một số các giải pháp sau:

2.1 Tăng cường việc áp dụng các quy chế, quy định nội bộ, điều lệ công ty và quy định pháp luật nhà nước trong quản lý và điều hành doanh nghiệp. Nêu cao ý thức trách nhiệm của CB.CNV trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2026; Tập trung cho công tác sản xuất và cung cấp nước, đạt sản lượng theo kế hoạch, với chất lượng nước cấp đảm bảo chất lượng theo quy định đáp ứng đủ nước cho sản xuất, sinh hoạt của các khu dân cư trên địa bàn;

2.2 Khai thác sản lượng nước thô hiệu quả và theo đúng quy định của giấy phép được cấp; thực hiện việc thu hồi nước rửa lọc, đảm bảo lượng nước thu hồi cao nhất, nâng cao hiệu quả sử dụng nước thô và hiệu quả kinh tế;

2.3 Khảo sát nhu cầu dùng nước của các khu dân cư trên địa bàn qua đó lập kế hoạch cấp nước, điều chỉnh lại mạng lưới tuyến ống cấp nước phù hợp với nhu cầu sử dụng nước và định hướng phát triển Kinh tế - Xã hội của phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận cấp nước;

2.4 Tăng cường công tác giám sát chất lượng nước cung cấp, cải tạo các ống nhánh, van, thay đồng hồ nước hết hạn sử dụng, thực hiện tốt công tác bảo trì, sửa chữa MMTB đảm bảo sản xuất an toàn;

2.5 Phối hợp với đơn vị Tư vấn, đơn vị Thi công hoàn thành công tác cải tạo, sửa chữa lại trạm bơm nước thô và nước sạch, nâng công suất Nhà máy nước Hóa An theo quy định; Tăng cường công tác quản lý HTCN, duy tu sửa chữa, phòng và chống thất thoát nước, nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD;

2.6 Thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản theo kế hoạch năm 2026 được duyệt, đầu tư nâng công suất cấp nước, phân vùng tách mạng, phòng chống thất thoát nước, đảm bảo tỷ lệ thất thoát nước hợp lý và cấp nước an toàn;

2.7 Làm việc với UBND Phường Biên Hòa và các Sở ngành có liên quan để thực hiện thu hồi đất xây dựng Nhà máy nước Hóa An theo quy định;

2.8 Hoàn thiện bộ máy tổ chức, sắp xếp tinh gọn bộ máy đáp ứng được yêu cầu công việc, sửa đổi, bổ sung các nội quy, quy chế quy định nội bộ Công ty nâng cao hiệu quả SXKD, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, hoàn thành tốt nghĩa vụ với cổ đông, nhà nước và người lao động.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2025 và dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026. Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng !.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BGĐ Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu VT-HĐQT.

D:HUONG-TLHHCĐ2026

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, P. Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: (0251)3847241;

Fax: (0251)3840797;

MST : 3600978879

Website: <http://www.dvxdcn.com>

Số: 02/BC-HĐQT-DVV

Trần Biên, ngày 03 tháng 04 năm 2026

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ QUẢN TRỊ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ TỪNG
THÀNH VIÊN HĐQT NĂM 2025 KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số: 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai xin báo cáo trước Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên HĐQT trong năm 2025 và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2026, như sau:

A- BÁO CÁO QUẢN TRỊ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT NĂM 2025:

I. THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN HĐQT NĂM 2025:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	31/03/2023	
2	Trần Chiến Thắng	TV. HĐQT	31/03/2023	
3	Đặng Nguyễn Thanh An	TV. HĐQT	31/03/2023	
4	Phạm Ngọc Tú	TV. HĐQT	31/03/2023	
5	Lê Thành Trung	TV. HĐQT	31/03/2023	

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT NĂM 2025

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị năm 2025:

Trong năm 2025 Hội đồng quản trị đã tổ chức 4 phiên họp định kỳ như sau :

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Anh Tuấn	4	100%	
2	Trần Chiến Thắng	4	100%	
3	Đặng Nguyễn Thanh An	4	100%	
4	Phạm Ngọc Tú	4	100%	
5	Lê Thành Trung	4	100%	

2. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2025/NQ-HĐQT-DVW	10/01/2025	Nghị quyết HĐQT v/v Thông qua phương án điều chỉnh giá nước sạch.	100%
2	02/2025/NQ-HĐQT-DVW	21/01/2025	Nghị quyết HĐQT v/v: Thông qua kết quả ước thực hiện nhiệm vụ SXKD Quý IV/2024, năm 2024. Phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2025 (dự kiến)	100%
3	03/2025/NQ-HĐQT-DVW	18/02/2025	Nghị quyết HĐQT v/v: Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	100%
4	04/2025/NQ-HĐQT-DVW	08/04/2025	Nghị quyết HĐQT v/v: Thông qua tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	100%
5	05/2025/NQ-HĐQT-DVW	08/04/2025	Nghị quyết HĐQT v/v: Quyết toán quỹ tiền lương của người lao động, người quản lý Công ty năm 2024, kế hoạch năm 2025	100%
6	06/2025/NQ-HĐQT-DVW	08/04/2025	Nghị quyết HĐQT v/v: Thông qua kết quả ước thực hiện SXKD Quý I/2025. Phương hướng nhiệm vụ SXKD QII/2025.	100%
7	01/2025/QĐ-HĐQT-DVW	08/04/2025	Quyết định HĐQT Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.	100%

8	02/2025/QĐ-HĐQT-DVW	08/04/2025	Quyết định Thành lập Ban thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.	100%
9	07/2025/NQ-HĐQT-DVW	28/04/2025	Nghị quyết HĐQT v/v: Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền.	100%
10	08/2025/NQ-HĐQT-DVW	28/05/2025	Nghị quyết HĐQT v/v: Chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.	100%
11	09/2025/NQ-HĐQT-DVW	09/07/2025	Nghị quyết HĐQT v/v: Thay đổi mẫu dấu của Công ty CP dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.	100%
12	10/2025/NQ-HĐQT-DVW	15/07/2025	Nghị quyết HĐQT v/v: Thông qua kết quả thực hiện nhiệm vụ SXKD Quý II/2025. Phương hướng nhiệm vụ SXKD Quý III/2025.	100%
13	11/2025/NQ-HĐQT-DVW	15/07/2025	Nghị quyết HĐQT v/v: Thông qua chi thưởng người điều hành, người quản lý công ty năm 2024 theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.	100%
14	12/2025/NQ-HĐQT-DVW	10/10/2025	Nghị quyết HĐQT v/v: Thông qua kết quả ước thực hiện nhiệm vụ SXKD Quý III/2025. Phương hướng nhiệm vụ SXKD Quý IV/2025.	100%
15	13/2025/NQ-HĐQT-DVW	24/12/2025	Nghị quyết HĐQT v/v: Thông qua kết quả ước thực hiện nhiệm vụ SXKD Quý IV/2025 và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2026.	100%
16	03/2025/QĐ-HĐQT-DVW	24/12/2025	Quyết định về việc miễn nhiệm chức danh Phó giám đốc Công ty đối với ông Trần Chiến Thắng – TV HĐQT.	100%
17	04/2025/QĐ-HĐQT-DVW	24/12/2025	Quyết định về việc Thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng Công ty.	100%

3. Công tác quản lý, điều hành của HĐQT và từng thành viên HĐQT.

Trong năm 2025, HĐQT họp định kỳ và lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản để thông qua các nội dung về quản trị doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty; HĐQT đã ban hành 14 Nghị quyết, 04 Quyết định; kịp thời chỉ đạo, định hướng cho Ban Giám đốc công ty điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp theo từng thời kỳ, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Giám sát Ban điều hành công ty và những người quản lý khác của công ty thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2025 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Nghị quyết, quyết định của HĐQT công ty đã đề ra.

Trong năm 2025, Các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp đầy đủ theo quy định; các thành viên HĐQT đã đóng góp những ý kiến thiết thực, hiệu quả cho công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD của công ty qua đó hoàn thành tốt vai trò, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty.

4. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và người quản lý khác của công ty.

Hội đồng quản trị giám sát và chỉ đạo Ban Giám đốc công ty thông qua các cuộc họp HĐQT định kỳ và đột xuất, qua đó kịp thời chấn chỉnh những hạn chế, xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quản lý, điều hành SXKD, đảm bảo cho công ty hoạt động theo đúng định hướng, đúng mục tiêu, nhiệm vụ của công ty, và theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty;

Trong năm 2025 Ban điều hành Công ty đã thực hiện hoàn thành cơ bản nội dung các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã đề ra, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ công ty đã đề ra.

III- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2025.

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025.

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2025	THỰC HIỆN 2025	TỶ LỆ % TH/KH
1	Doanh thu	triệu đồng	47.080	46.626	99,04
2	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	8.130	9.582	117,86
3	Tỷ lệ thất thoát	%	12	12,41	+0,41
4	Tổng số phát sinh phải nộp NS	triệu đồng	7.190	7.593	105,61
5	Đầu tư xây dựng cơ bản	triệu đồng	14.590	80	0,55

2. Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất của Công ty năm 2025.

Trong năm 2025. HĐQT Công ty đã chỉ đạo, giám sát Ban điều hành Công ty tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch SXKD theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã đề ra. Kết quả thực hiện như sau:

- **Về sản xuất và cung cấp cho khách hàng:** Công ty thực hiện cung cấp nước đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước của khách hàng, chất lượng nước cấp đạt tiêu chuẩn chất lượng nước sử dụng cho ăn uống, sinh hoạt theo quy định của Bộ Y Tế; sản lượng và áp lực nước cung cấp ổn định cho sản xuất, sinh hoạt của các khu dân cư, các doanh nghiệp trên địa bàn Công ty quản lý và phục vụ;

- **Về Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và phát triển khách hàng :** Trong năm 2025 công ty thực hiện chưa tốt công tác đầu tư XDCB theo kế hoạch được duyệt, làm ảnh hưởng đến việc phát triển khách hàng, đến sản lượng nước cung cấp và hiệu quả sản xuất kinh doanh; nguyên nhân: do nhiều nguyên nhân khác nhau, tập trung chủ yếu do hạn chế về năng lực, ý thức tổ chức thực hiện; (HDQT công ty đang quan tâm giám sát, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện khắc phục những hạn chế này trong năm 2026).

- **Về Lợi nhuận thực hiện:** đạt kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã đề ra, bảo đảm cho công ty thực hiện tốt nghĩa vụ với cổ đông, Nhà nước và người lao động;

- **Về công tác sắp xếp lại tổ chức, bộ máy và đời sống của người lao động:** Công ty hiện đang sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, bộ máy cho tinh gọn theo chức danh công việc, từng bước hoàn thiện các quy định nội bộ. Trong năm 2025 thu nhập và đời sống người lao động được cải thiện, an tâm công tác và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ty đại chúng, quan hệ với cổ đông.

- **Công bố thông tin định kỳ và bất thường:** Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán, thông tin công bố định kỳ và bất thường được thực hiện báo cáo UBCK Nhà nước, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt nam; công khai thông tin minh bạch trên trang thông tin điện tử của Công ty.

- **Công tác quan hệ với cổ đông:** Thông tin liên quan đến hoạt động SXKD và các báo cáo của công ty (Báo cáo tình hình quản trị công ty, báo cáo thường niên 2025, báo cáo tài chính- đã được kiểm toán độc lập...) được công ty công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo đúng quy định của Luật Chứng khoán và công khai trên Website của công ty, để giúp quý cổ đông nắm bắt chính xác các thông tin có liên quan, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông theo đúng quy định của pháp luật.

Trong năm 2025. Công ty đã chi trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; với tổng số tiền đã chi trả là: 7.035.000.000 đồng (tỷ lệ cổ tức 30%VĐL).



IV- CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT NĂM 2025.

1. Các khoản thù lao, tiền lương, thưởng của thành viên HĐQT, Ban điều hành Công ty năm 2025:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TIỀN LƯƠNG, PHÚC LỢI NĂM 2025 (VNĐ)	TIỀN THƯỞNG NĂM 2025 (VNĐ)	THÙ LAO NĂM 2025 (VNĐ)
1	Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	734.500.000	45.000.000	
2	Trần Chiến Thắng	TV. HĐQT; Phó GD	492.400.000	36.000.000	84.000.000
3	Đặng Nguyễn Thanh An	TV. HĐQT không điều hành	6.000.000	36.000.000	84.000.000
4	Phạm Ngọc Tú	TV. HĐQT; Phó GD	545.400.000	36.000.000	84.000.000
5	Lê Thành Trung	TV. HĐQT không điều hành		36.000.000	84.000.000
6	Trịnh Hùng Sơn	Giám đốc Công ty	667.800.000	41.000.000	
7	Lê Chí Nguyên Thăng	Kế toán trưởng	465.400.000	28.000.000	
	Cộng		2.911.500.000	258.000.000	336.000.000

- (Theo Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán)

2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ, cổ đông lớn: Không.

3. Tình hình cổ đông của Công ty:

Hiện nay, Tổng số Cổ đông công ty và cơ cấu cổ đông như sau:

Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị theo mệnh giá Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu trên số lượng cổ phần
Cổ đông lớn	04	1.320.011	13.200.110.000	56,30%
Cổ đông không phải là cổ đông lớn	101	1.024.989	10.249.890.000	43,70 %
Tổng cộng	105	2.345.000	23.450.000.000	100,00%

* Theo danh sách cổ đông của Công ty chốt đến ngày 10/03/2026 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp.

V- BÁO CÁO VỀ CÁC GIAO DỊCH

1. Giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó.

S T T	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với cty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/
1	Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết	3600259296	Số 48, đường CMT8 phường Trăn Biên, Đồng Nai	17/04/2023 cho đến khi có Hợp đồng nguyên tắc khác thay thế	Số 08/2023/NQ-HĐQT-DVW về việc thông qua chủ trương chấp thuận cho Công ty thực hiện ký kết hợp đồng, giao dịch với các tổ chức có liên quan năm 2023	Mua nước sạch, nước uống đóng chai, thi công lắp đặt hệ thống cấp nước, đồng hồ nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. - Trong năm 2025 Công ty phát sinh giao dịch mua hàng với Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai với số tiền: 252.145.519 đồng
					28/04/2025	07/2025/NQ-HĐQT-DVW ngày 28/4/2025 về việc ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền	- Công ty chi tiền cổ tức năm 2024 cho Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai với số tiền là: 2.532.600.000 đồng

2. Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: **không**

B- KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG VÀ NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026.

1. Chỉ đạo Ban Giám đốc điều hành hoạt động SXKD của công ty theo đúng định hướng, mục tiêu, ngành nghề kinh doanh, gắn liền nhiệm vụ của công ty với sự phát triển KT-XH của địa phương và tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty; đảm bảo Công ty thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Cổ đông, Nhà nước, chăm lo tốt đời sống cho người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với xã hội, duy trì đảm bảo hài hòa giữa lợi ích của Công ty, Cổ đông, Nhà nước và người lao động.

2. Nêu cao vai trò, trách nhiệm và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên HĐQT, qua đó giúp TV.HĐQT nắm bắt rõ nhiệm vụ, đóng góp những ý kiến thiết thực, có hiệu quả cho công tác quản trị của HĐQT công ty, thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của HĐQT theo đúng các quy định của pháp

luật, Điều lệ công ty, Quy chế về quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT; Phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của từng thành viên HĐQT.

3. Tổ chức họp HĐQT định kỳ theo quy định, Chỉ đạo giám sát Ban điều hành và những người quản lý khác của Công ty đánh giá khách quan, trung thực kết quả hoạt động SXKD hàng quý, góp ý xây dựng các giải pháp, kế hoạch thực hiện có hiệu quả hơn.

4. Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá minh bạch công tác điều hành, quản lý công ty trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch SXKD được giao; Kịp thời xử lý, chấn chỉnh những hành vi làm ảnh hưởng đến chất lượng công việc, uy tín của doanh nghiệp và hiệu quả kinh tế, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, sự đoàn kết nội bộ;

5. Tăng cường công tác, kiểm tra giám sát Công ty trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ SXKD, đầu tư phát triển HTCN, phát triển khách hàng, quản lý HTCN và thực hiện chế độ, tiền lương, tiền thưởng và các chính sách khác đối với người lao động công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

6. Giám sát công ty thực hiện công bố thông tin định kỳ và đột xuất theo quy định của pháp luật chứng khoán đảm bảo kịp thời, công khai và minh bạch.

7. Chỉ đạo, giám sát Công ty thực hiện hoàn thiện các Quy định, Quy chế nội bộ Công ty, số hóa và ứng dụng các phần mềm trong việc quản lý khách hàng và điều hành hoạt động SXKD của Công ty; Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, nội bộ đoàn kết, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2026 đề ra.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị công ty năm 2025 và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2026. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua.

Trân trọng !.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BGD Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu VT-HĐQT.

D:HUONG/TLĐHCD2026

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, P.Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: (0251)3847241;

Fax: (0251)3840797;

MST : 3600978879

Website: <http://www.dvxdcn.com>



Số: 03/BC-BKS-DVW

Trần Biên, ngày 03 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

V/v: Kết quả kinh doanh của Công ty; giám sát hoạt động của HĐQT, BGĐ năm 2025

Báo cáo tự đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số: 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

- Căn cứ Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai.

Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông tình hình thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2025 như sau:

A. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

I. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty CP Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai (sau đây gọi tắt là Công ty) đã được soát xét bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam theo số 30/2026/KT-RSMHCM ngày 10/02/2026, Ban kiểm soát thẩm định và thống nhất các nội dung trong Báo cáo tài chính năm 2025 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31/12/2025 của Công ty.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

1. Giới hạn kiểm tra

Ban Kiểm soát xác định giới hạn như sau: Không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tồn quỹ, hàng tồn kho, sản phẩm dở dang tại thời điểm 31/12/2025; không thực hiện xác minh, đối chiếu chứng từ và hóa đơn đầu vào đơn vị đã kê khai khấu trừ và đã hạch toán trong năm 2025; không tổ chức đối chiếu, xác nhận tất cả các khoản nợ phải thu, nợ phải trả.

2. Phương pháp kiểm tra

Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu căn cứ số liệu trên Báo cáo tài chính, sổ kế toán, hóa đơn và chứng từ do đơn vị xuất trình tại thời điểm kiểm tra.

3. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch sản xuất kinh doanh thể hiện qua một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

Stt	Nội dung	Đvt	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ (%) TH/KH năm 2025	Tỷ lệ (%) TH năm 2025/2024
I	Sản lượng nước sản xuất và tiêu thụ						
1	Sản lượng sản xuất	m ³	6.192.000	6.192.000	6.265.316	103,07%	103,07%
	Sản lượng nước	m ³	6.150.396	5.970.918	6.204.588	105,86%	102,78%
	Sản lượng nước mua	m ³	41.604	221.082	60.728	27,47%	145,97%
2	Sản lượng nước ghi thu	m ³	5.438.580	5.448.760	5.487.771	100,72%	100,90%
3	Tỷ lệ thất thoát bình quân	%	12,2%	12,0%	12,41%	+0,41	+0,21
II	Hoạt động sản xuất kinh doanh						
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	46.259,06	47.082,71	46.625,59	99,03%	100,79%
	- Doanh thu SX nước	Tr.đồng	43.096,17	43.198,53	43.791,68	101,37%	101,61%
	- Doanh thu lắp đặt	Tr.đồng	1.335,96	2.500,00	1.031,34	41,25%	77,20%
	- Doanh thu HĐTC	Tr.đồng	1350,58	975	1.427,78	146,44%	105,72%
	- Thu nhập khác	Tr.đồng	476,35	409,18	374,79	91,60%	78,68%
2	Giá vốn hàng bán	Tr.đồng	23.504,68	26.315,34	23.700,34	90,06%	100,83%
3	Chi phí lãi vay	Tr.đồng	209,82	240,52	77,37	32,17%	36,87%
4	Chi phí bán hàng	Tr.đồng	3.789,18	3.741,01	4.084,06	109,17%	107,78%
5	Chi phí quản lý DN	Tr.đồng	7.185,68	7.331,5	7.555,91	103,06%	105,15%
6	Chi phí khác	Tr.đồng	254,84	260,00	340,99	131,15%	133,81%
7	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr.đồng	11.314,86	9.194,35	10.866,91	118,19%	96,04%
8	Thuế TNDN	Tr.đồng	1.327,30	1.064,35	1.284,57	120,69%	96,78%
9	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đồng	9.987,55	8.130,00	9.582,34	117,86%	95,94%
10	Tổng số thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Tr.đồng	7.549,69	7.191,93	7.593,44	105,58%	100,58%
11	Đầu tư XDCB	Tr.đồng	624,70	14.590,00	80,28	0,55%	12,85%

Tỷ lệ giá vốn trên doanh thu năm 2025 là 50,83% giảm 2,07% so với cùng kỳ năm trước nguyên nhân chủ yếu chi phí lắp đặt hệ thống nước giảm (năm 2025

bằng 81,65% so với năm 2024). Chi phí bán hàng tăng 7,78% so với cùng kỳ chủ yếu do chi phí nhân viên khoản mục này tăng 14,06% so với cùng kỳ 2024. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 5,15% so với cùng kỳ và tăng 3,06% so với kế hoạch, đối với khoản chi phí này thì khoản mục chi phí nhân công chiếm 83,9% chi phí quản lý phát sinh trong kỳ.

Công ty thực hiện Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015, Thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với hoạt động cung cấp nước sạch, các hoạt động còn lại áp dụng với mức thuế suất 20%.

Lợi nhuận trước thuế của Công ty bằng 96,04% so với năm 2024; so với kế hoạch đạt 118,19%. Lợi nhuận sau thuế bằng 95,94% so với cùng kỳ và bằng 117,86% so với kế hoạch năm.

Trong năm, Công ty bị xử phạt vi phạm hành chính theo quyết định số 17/QĐ-XPHC ngày 25/2/2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Đồng Nai về việc khai thác, sử dụng nước mặt cho mục đích kinh doanh mà không có giấy phép khai thác sử dụng tài nguyên nước tại Trạm bơm nước mặt Hóa An.

Nhìn chung, Công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông ngày 24/3/2025 ngoại trừ chỉ tiêu Doanh thu lắp đặt, và Đầu tư xây dựng cơ bản. Nguyên nhân: Doanh thu lắp đặt giảm do Công ty chủ yếu thực hiện lắp đặt hệ thống nước khách hàng tại 04 phường xã mà Công ty cung cấp nước và số lượng BCT lắp đặt năm 2025 giảm so với năm 2024 (năm 2024 là 731 BCT, năm 2025: 701 BCT), trong năm hầu như không triển khai các công trình/dự án đã được thông qua.

4. Tình hình đầu tư, xây dựng và mua sắm tài sản

4.1. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định

- Tài sản cố định hữu hình tăng mới giá trị 67.129.630 đồng (mua mới máy photocopy), trong năm không có tài sản hình thành từ xây dựng cơ bản.

- Tài sản cố định vô hình tăng mới: không có.

- Chi phí khấu hao TSCĐ năm 2025 là 3.474.244.375 đồng (trong đó: khấu hao TSCĐ hữu hình: 3.443.304.379 đồng, khấu hao TSCĐ vô hình: 30.939.996 đồng) chiếm tỉ lệ 10,3% chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Công ty đã bị mất các tài sản cố định tổng trị giá: 315.990.431 đồng (tất cả tài sản trên đã khấu hao hết), tại thời điểm kiểm tra Công ty chưa làm các thủ tục xử lý đối với các tài sản bị mất... Đề nghị thực hiện các thủ tục xử lý đối với tài sản bị mất theo quy định.

4.2. Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản

Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản năm 2025 là **80.283.219 đồng**, bao gồm các công trình như sau:

STT	Tên dự án	Giá trị (đồng)	Ghi chú
1	Dự án cải tạo nâng cấp Trạm bơm nước sạch nhà máy nước Hóa An	2.000.000	Thẩm tra dự toán
2	Công trình lắp đặt tuyến ống nước sạch HDPE DN400 (giai đoạn 1)	2.000.000	Thẩm tra dự toán
3	Lắp đặt TOCN HDPE D90, D110 và phụ kiện các hèm thuộc Phường Biên Hòa	74.283.219	Thẩm tra dự toán, thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công - dự toán
4	Dự án cải tạo nâng cấp Trạm bơm nước sạch nhà máy nước Hóa An	2.000.000	Thẩm tra dự toán chuẩn bị đầu tư
TỔNG CỘNG		80.283.219	

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025 đã thông qua Tổng vốn đầu tư XDCB của năm là 14.593 triệu đồng. Tuy nhiên, trong năm 2025, Công ty triển khai thực hiện không đáng kể. Đến ngày 31/12/2025, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang là 305.283.219 đồng (số dư tại ngày 31/12/2024: 225.000.000 đồng).

Công tác đầu tư XDCB trong năm rất chậm do công tác phối hợp giữa các bộ phận chưa hiệu quả. Công ty cần tăng cường kiểm tra, rà soát toàn bộ các công trình/dự án (đã hoàn thành và đang thực hiện) và kiểm tra hồ sơ ở một số bước trong quá trình thực hiện hoạt động đầu tư xây dựng, hoạt động đấu thầu theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

5. Quản lý doanh thu, công nợ phải thu, phải trả

Căn cứ chuẩn thu tháng 12/2025 tình hình cung cấp nước thể hiện qua bảng số liệu sau:

TT	Đối tượng KH	NĂM 2024		NĂM 2025		Tỷ lệ tăng trưởng	
		Số lượng danh bộ (đồng hồ)	Sản lượng tiêu thụ (m ³ /năm)	Số lượng danh bộ (đồng hồ)	Sản lượng tiêu thụ (m ³ /năm)	Số lượng danh bộ (đồng hồ)	Sản lượng tiêu thụ (m ³ /năm)
1	Tổ chức	338	399.067	353	442.801	15	43.734
	Tỷ lệ %	1,63%	7,79%	1,65%	8,51%	2,19%	53,87%
2	Tư gia	20.428	4.723.319	21.099	4.760.745	671	37.426
	Tỷ lệ %	98,37%	92,21%	98,35%	91,49%	97,81%	41,13%
	Tổng cộng	20.766	5.122.386	21.452	5.203.546	686	81.160

- Tổng sản lượng tiêu thụ nước sạch năm 2025 tăng 81.160 m³ so với năm 2024 (tổ chức tăng 43.734 m³, hộ gia đình tăng 37.426 m³).

- Tính đến thời điểm cuối năm 2025, Nhà máy nước Hóa An sản xuất với công suất 20.000 m³/ngày đêm, sản lượng sản xuất bình quân đạt 82,54% công suất khai thác của nhà máy (16.508/20.000 m³/ngày đêm), sản lượng tiêu thụ đạt 75,17% (15.035/20.000 m³/ngày đêm), tỷ lệ thất thoát 14,5%. Đồng thời trong năm Công ty thực hiện mua nước sạch để bổ sung nguồn cấp nước từ Công ty CP - Tổng Công ty nước - môi trường Bình Dương trong các tháng 1, 2, 4, 5, 6, 9, 12.

- Công ty thực hiện cung cấp nước thô cho Công ty TNHH Pou Chen Việt Nam với sản lượng 284.225 m³ trong năm 2025.

- Trong những năm tiếp theo, Công ty cần đề ra kế hoạch kinh doanh phù hợp với tình hình thực tại của Công ty, tiếp tục tập trung đẩy mạnh công tác đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước và phòng chống thất thoát nước.

Tổng số nợ phải thu ngắn hạn và dài hạn thể hiện qua bảng số liệu sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Diễn giải	Số tiền (đồng)
1	Tổng số nợ phải thu đến ngày 31/12/2025	1.466.859.247
	- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.918.989.923
	+ Phải thu tiền nước của khách hàng	1.164.294.948
	+ Phải thu tiền lắp đặt	754.694.975
	- Trả trước cho người bán ngắn hạn	255.026.919
	- Phải thu ngắn hạn khác	338.244.094
	- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.045.401.689)
2	Tổng số nợ phải trả đến ngày 31/12/2025	9.748.073.204
	- Phải trả người bán ngắn hạn	24.999.587
	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	532.208.984
	- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	877.507.918
	- Tiền lương phải trả cho người lao động	3.650.498.386
	Chi phí phải trả ngắn hạn	253.294.821
	- Phải trả ngắn hạn khác	911.094.634
	- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	156.250.000
	- Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi	3.257.351.630
	Phải trả người bán ngắn hạn	84.866.844

Phải thu ngắn hạn của khách hàng là tiền nước và tiền lắp đặt hệ thống nước cho khách hàng. Phải thu tiền nước tồn tại thời điểm 31/12/2025 của Công ty là 1.606.325.583 đồng, chủ yếu do chuẩn thu tiền nước tháng 12/2025 còn tồn 1.006.912.801 đồng, sang tháng sau sẽ thu. Còn lại hóa đơn các tháng trước chưa thu được là 599.412.782 đồng.

Phải thu ngắn hạn khác là khoản tạm ứng của cán bộ nhân viên để thực thi các công việc của Công ty, trong đó có khoản tạm ứng thực hiện Công trình KDC Tân Thịnh với số tiền 150 triệu đồng phát sinh từ năm 2020.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn, Công ty tiếp tục theo dõi các khoản nợ của khách hàng. Trong năm 2025, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng các khoản nợ tiền nước và khoản tạm ứng nêu trên.

Năm 2018, Công ty thực hiện vay Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai để đầu tư “Hệ thống cấp nước khu vực 04 phường xã” theo Hợp đồng số 02/2018/HĐTD-TD ngày 18/1/2018 với số tiền vay: 15 tỷ đồng, lãi suất 7%/năm. Dư nợ đến 31/12/2025 là 156.250.000 đồng.

6. Đánh giá tình hình tài chính của Công ty

- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được Kiểm toán các chỉ tiêu cơ bản về tài chính phản ánh như sau:

Stt	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	71,13	67,14
	Tài sản dài hạn /Tổng tài sản	%	28,87	32,86
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	14,94	18,20
	Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	85,06	81,80
	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	lần	0,17	0,22
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	4,80	3,76
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	4,73	3,73
4	Tỷ suất sinh lợi			
	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản bình quân	%	14,69	15,15
	Tỷ suất LNST/Vốn CSH bình quân	%	17,27	18,86
	Tỷ suất LNST/Doanh thu	%	21,38	22,48

Biến động cơ cấu tài sản năm 2025: Tỷ trọng tài sản ngắn hạn/tổng tài sản tăng và tỷ trọng tài sản dài hạn/tổng tài sản giảm so với năm 2024 nguyên nhân: đầu tư tài chính (tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 3 tháng trở lên) tăng so với cùng kỳ 13,22%; tài sản cố định giảm do nguyên giá tài sản cố định năm 2024 so với cùng kỳ tăng rất thấp trong khi khấu hao tăng 4,34%.

Biến động cơ cấu nguồn vốn năm 2025: Tỷ trọng nợ phải trả/ tổng nguồn vốn giảm, tỷ trọng vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn tăng so với năm 2024. Nguyên nhân biến động: nợ dài hạn giảm 64,8%, vốn chủ sở hữu tăng do quỹ đầu tư phát triển tăng 21,06% (năm 2025: 17.224 triệu đồng, năm 2024: 14.228 triệu đồng).

Các hệ số khả năng thanh toán cho thấy Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán. Chỉ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh tăng so với cùng kỳ do chi phí nợ vay giảm mạnh (năm 2025: 156.250.000 đồng, năm 2024: 1.875 triệu đồng).

- Lợi nhuận sau thuế năm 2025 giảm 4,06% so với cùng kỳ nên các chỉ tiêu về sinh lợi của doanh nghiệp đều giảm so với năm trước.

Nhìn chung, tình hình tài chính của Công ty năm 2025 lành mạnh khả năng thanh toán an toàn, không có rủi ro về tài chính.

7. Về bảo toàn vốn nhà nước tại doanh nghiệp:

Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025: Lãi, lỗ của doanh nghiệp là căn cứ đánh giá mức độ bảo toàn vốn của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo.

Đó là số chênh lệch giữa tổng doanh thu và thu nhập khác trừ đi (-) tổng các khoản chi phí phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp (bao gồm cả khoản trích lập dự phòng theo quy định). Cụ thể phương pháp đánh giá như sau:

- Nếu số chênh lệch dương \Rightarrow doanh nghiệp có lãi \Rightarrow doanh nghiệp bảo toàn vốn.

- Nếu số chênh lệch âm \Rightarrow doanh nghiệp bị lỗ \Rightarrow doanh nghiệp không bảo toàn vốn.

Lãi thực hiện năm 2025 của Công ty = $46.625.591.074 - 35.758.681.188 = 10.866.909.886$ đồng $> 0 \Rightarrow$ Số chênh lệch dương \Rightarrow kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có lãi \Rightarrow doanh nghiệp bảo toàn vốn.

8. Công tác tài chính kế toán

Công tác kế toán: tổ chức bộ máy kế toán tinh gọn, phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chấp hành quy định của pháp luật và Quy chế tài chính trong quản lý tài chính và công tác tài chính kế toán. Sử dụng nguồn vốn đúng mục đích. Kế toán áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính. Thực hiện các quy định về kế toán, kiểm toán, hóa đơn tài chính, nghĩa vụ báo cáo thuế và nộp ngân sách.

Công tác kế toán còn tồn tại một số hạn chế: kế toán chưa xác định rõ bản chất nghiệp vụ để hạch toán vào chi phí cho phù hợp, chưa thực hiện phân bổ chi phí đối với các công cụ, dụng cụ và sửa chữa có giá trị lớn, sử dụng trong nhiều năm. Đề nghị tuân thủ các quy định về tài chính và chuẩn mực kế toán trong việc hạch toán tài khoản đúng bản chất nghiệp vụ phát sinh, ghi nhận doanh thu, phân bổ chi phí theo quy định.

Nghị định số 174/2024/QH15 quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng từ 10% xuống 8%, tuy nhiên một số mặt hàng/ dịch vụ của Công ty chưa áp dụng đúng quy định trên.

Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam theo số 30/2026/KT-RSMHCM ngày 10/02/2026.

8. Công tác tổ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động

- Tổng số lao động thực tế của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025: 83 người, giảm 5,7% so với năm 2024.

- Tổ chức, phân công lao động tương đối phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận. Việc bố trí, sắp xếp lao động tương đối hợp lý, đáp ứng được yêu cầu sản xuất hiện nay.

- Hàng năm, Công ty tổ chức cho toàn thể CB.CNV khám sức khỏe định kỳ, tổ chức đi tham quan du lịch theo thỏa ước lao động tập thể quy định ban hành.

- Công ty thực hiện quy chế trả lương, thưởng và trích nộp BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định. Tổng thu nhập thực tế bình quân của Người lao động: 13,75 triệu đồng/người/tháng.

III. ĐÁNH GIÁ VIỆC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá hoạt động của HĐQT Công ty

Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2023-2028 gồm 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên hoạt động chuyên trách: 01 Chủ tịch Hội đồng quản trị, 02 thành viên giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty. Ngày 24/12/2025, 01 thành viên HĐQT không giữ chức vụ Phó giám đốc Công ty. Các thành viên HĐQT thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các phiên họp định kỳ, ban hành các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị về những vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Hội đồng quản trị chỉ đạo mọi hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Thông qua các báo cáo của Giám đốc Công ty tại các cuộc họp Hội đồng quản trị và thông qua nội dung đánh giá của Ban Kiểm soát về tình hình tài chính và điều hành Công ty của Giám đốc, Hội đồng quản trị nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, chủ động trong việc chỉ đạo điều hành...

- Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám đốc Công ty, phối hợp với Ban kiểm soát giám sát các vấn đề.

- Trong năm 2025, HĐQT Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm

2024 theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

DVT: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Tỷ lệ	SỐ TIỀN
1	Vốn điều lệ		23.450.000.000
2	Lợi nhuận SXKD sau thuế TNDN :		9.987.553.812
3	Trích lập các quỹ		4.804.899.215
a	Quỹ đầu tư phát triển	30%	2.996.266.144
b	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14%	1.398.257.533
	+ Quỹ khen thưởng	2%	199.751.076
	+ Quỹ phúc lợi	12%	1.198.506.457
c	- Quỹ công tác xã hội cộng đồng	1%	99.875.538
d	- Quỹ thưởng người quản lý (1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người quản lý)		310.500.000
4	Lợi nhuận còn lại sau trích lập các quỹ		5.182.654.597
5	Lợi nhuận còn lại các năm chuyển sang		7.057.864.581
6	Tổng lợi nhuận còn lại		12.240.519.178
7	Tỷ lệ chia cổ tức/VĐL (*)	30%	7.035.000.000
8	Tổng lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2025		5.205.519.178

Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất và chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty theo sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

2. Đánh giá hoạt động của Giám đốc và người điều hành khác

- Ban Giám đốc Công ty gồm 03 thành viên, từ ngày 24/12/2025 còn 02 thành viên. Trong năm, việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT còn chậm đặc biệt trong công tác xây dựng cơ bản đầu tư mở rộng hệ thống nước. Ban Giám đốc Công ty cần đồng thuận hơn trong quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

- Định kỳ hàng tháng, Ban Giám đốc Công ty tổ chức họp giao ban với Trưởng, phó các bộ phận tại Công ty nhằm nắm bắt tình hình hoạt động của từng đơn vị; các vướng mắc, khó khăn trong điều hành, quản lý hoạt động kinh doanh từ đó đề ra các giải pháp thực hiện.

- Ban Giám đốc Công ty cần bám sát phương hướng nhiệm vụ đã đề ra, có các giải pháp cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế và đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Định kỳ hàng tháng, quý, Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị các chỉ tiêu tài chính đã thực hiện trong kỳ. Tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Giám đốc báo cáo tình hình SXKD, trình bày phương hướng kế hoạch trong quý kế tiếp để

Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá kết quả thực hiện và cho ý kiến chỉ đạo.

3. Đánh giá quan hệ giao dịch giữa Công ty với tổ chức có liên quan của Công ty

Trong năm 2025, các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; Giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch:

T T	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với cty	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/
1	Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tại Số 48, CMT8, P. Trãn Biên, Đồng Nai GCNKD 3600259296	Cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết	17/04/2023 cho đến khi có Hợp đồng nguyên tắc khác thay thế	Số 08/2023/NQ-HĐQT-DVW v/v thông qua chủ trương chấp thuận cho Công ty thực hiện ký kết hợp đồng, giao dịch với các tổ chức có liên quan năm 2023	Mua nước sạch, nước uống đóng chai, thi công lắp đặt hệ thống cấp nước, đồng hồ nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai - Trong năm 2025 Công ty phát sinh giao dịch mua hàng với Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai với số tiền là 252.145.519 đồng
			28/04/2025	07/2025/NQ-HĐQT-DVW ngày 28/4/2025 về việc ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền	- Công ty chi tiền cổ tức năm 2024 cho Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai với số tiền là: 2.532.600.000 đồng

4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc, Ban quản lý điều hành và cổ đông

- HĐQT, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích chung của Công ty và theo quy chế quản trị Công ty.

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty phát huy năng lực của bộ máy quản trị điều hành, vai trò và trách nhiệm trước CB-CNV, cổ đông của Công ty; chấp hành qui định của pháp luật trong việc quản lý điều hành.

- Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi, góp ý với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

- Ban quản lý điều hành Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát

thực hiện nhiệm vụ, hoàn thành công tác kiểm tra, giám sát.

- Đối với cổ đông: Ban Kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông.

IV. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

1. Phân công nhiệm vụ của các thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên Ban kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và được phân công nhiệm vụ như sau:

- *Nguyễn Thị Mai Hạnh (Trưởng BKS)*: Chịu trách nhiệm chung về các hoạt động của Ban kiểm soát. Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông, các Quy chế hoạt động, giám sát hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, công tác tài chính của Công ty, kiểm tra hồ sơ mua sắm TSCĐ, đầu tư XDCB. Phân công nhiệm vụ của các thành viên BKS. Tổng hợp và lập các báo cáo của BKS.

- *Ngô Thị Đài Trang (Thành viên BKS)*: Kiểm tra chi phí SXKD của Công ty, chi phí sản xuất nước, chi phí xây lắp, giá vốn hoạt động SXKD, kiểm tra công tác về thuế. Kiểm tra, xem xét việc thực hiện các quan hệ, nghĩa vụ của Công ty với cổ đông, nhà đầu tư, nghĩa vụ của công ty đại chúng.

- *Trần Thị Hiền (Thành viên BKS)*: Kiểm tra doanh thu, công nợ phải thu, phải trả. Kiểm tra hồ sơ của các công trình lắp đặt, việc ký kết và thực hiện các hợp đồng lắp đặt. Kiểm tra công tác lương, thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động. Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

2. Tiền lương và thù lao của Ban kiểm soát năm 2025

Tiền lương và thù lao của Ban kiểm soát thực hiện theo mức tiền lương, thù lao đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 thông qua. Tổng hợp tiền lương, thù lao năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương & thù lao	Tiền thưởng (Quý thưởng NQL năm 2025)	Tổng cộng
1	Nguyễn Thị Mai Hạnh	Trưởng BKS	84.000.000	23.500.000	107.500.000
2	Ngô Thị Đài Trang	Thành viên	60.000.000	10.000.000	70.000.000
3	Trần Thị Hiền	Thành viên	60.000.000	10.000.000	70.000.000
TỔNG CỘNG			204.000.000	43.500.000	247.500.000

- Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2025 là 26.200.000 đồng (chi phí du lịch).

3. Thực hiện nhiệm vụ năm 2025 của Ban kiểm soát

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ được qui định. Cụ thể như sau:

- Thực hiện kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty trong quản lý, điều hành; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong việc triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025, việc thực hiện Quy chế quản trị nội bộ, quy chế tài chính, các quy chế về quản trị doanh nghiệp...

- Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư XD/CB, việc chấp hành chế độ, chính sách Nhà nước, việc thực hiện chính sách đối với người lao động, quan hệ với cổ đông, nghĩa vụ công bố thông tin và các nghĩa vụ của công ty đại chúng...

- Xem xét tính hợp lệ và sự phù hợp các quyết định của HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành sản xuất, đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và đảm bảo lợi ích của các cổ đông.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý điều hành, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Xem xét, kiểm tra Báo cáo tài chính Quý, 6 tháng, hàng năm của doanh nghiệp. Phối hợp với Phòng Tài chính kế toán làm rõ các nội dung trong Báo cáo tài chính, đảm bảo tính hợp lệ trong công tác kế toán và quản trị tài chính doanh nghiệp. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2024, 6 tháng đầu năm 2025. Xem xét các báo cáo soát xét, báo cáo tài chính đã kiểm toán của tổ chức kiểm toán độc lập.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt được các chủ trương, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý, 6 tháng, năm.

- Báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã tiến hành 04 cuộc họp với các nội dung sau:

- Thẩm định BCTC năm 2024, tổng kết thực hiện nhiệm vụ năm 2024;

- Xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2025;

- Thẩm định BCTC và tình hình hoạt động của doanh nghiệp 6 tháng đầu năm 2025.

Ban kiểm soát cũng thường xuyên trao đổi với nhau qua điện thoại, email, zalo... nhằm hoàn thành nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Các thành viên Ban kiểm soát đều làm việc kiêm nhiệm nên đôi khi gặp khó khăn trong công việc.

4. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2026

- Xây dựng kế hoạch công tác năm 2026 của Ban kiểm soát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định. Phân công, phân nhiệm các thành viên trong Ban để phối hợp thực hiện nhiệm vụ năm 2026.

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tình hình quản trị, việc quản lý, sử dụng vốn tại Công ty cổ phần.

- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng quản trị của Công ty.

- Hỗ trợ bộ phận kế toán về công tác chuyên môn. Hỗ trợ các công việc liên quan đến hoạt động của công ty cổ phần đại chúng, tổ chức giao dịch trên sàn chứng khoán.

- Kiểm tra định kỳ sổ sách, chứng từ kế toán, các tài liệu có liên quan. Xác nhận số liệu báo cáo tài chính & kết quả kinh doanh 6 tháng và cả năm. Lập các báo cáo cho Ban điều hành và Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

- Thực hiện các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát hoặc do Đại hội đồng cổ đông yêu cầu.

- Các khoản ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát năm 2026 dự kiến: 40 triệu đồng (gồm chi phí đào tạo, tham quan du lịch và các khoản phụ cấp theo quy định của Công ty).

B. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

Sau khi thực hiện công tác kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 tại Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai, Ban Kiểm soát có một số nhận xét và kiến nghị sau:

I. Nhận xét

- Trong năm 2025, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cùng toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty hoàn thành cơ bản nhiệm vụ trong công tác hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chỉ tiêu: sản lượng sản xuất, sản lượng ghi thu, doanh thu nước, doanh thu tài chính, lợi nhuận, nộp ngân sách... đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 được giao, ngoại trừ chỉ tiêu doanh thu lắp đặt và đầu tư xây dựng cơ bản không đạt kế hoạch.

- Thu nhập CB.CNV ổn định, đảm bảo được công ăn việc làm, đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Các tổ chức, đoàn thể hoạt động đúng theo định hướng và Điều lệ.

- Các công tác phòng chống thất thoát nước: thay thế, bảo hành đồng hồ, sửa chữa hệ thống cho khách hàng, sửa chữa ống bể... chưa được tiến hành triệt để nhằm giảm tỷ lệ thất thoát cho Công ty. Do vậy, tỷ lệ thất thoát năm 2025 tăng 0,41% so với kế hoạch.

- Chất lượng nguồn nước đạt tiêu chuẩn chất lượng nước của Bộ y tế theo đúng quy định do Trung Tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh Đồng Nai kiểm tra hàng tháng, đảm bảo nguồn nước sạch cung cấp cho khách hàng.

- Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán đối với công ty đại chúng đầy đủ và kịp thời.

II. Kiến nghị

Trên cơ sở hoạt động kiểm tra, giám sát trong năm 2025, Ban Kiểm soát đề xuất một số kiến nghị sau:

- Đề nghị ban hành các Quy chế, quy trình hoạt động của Công ty để làm cơ sở thực hiện, đảm bảo tính minh bạch và thống nhất trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công ty tiếp tục làm việc với các cơ quan, sở ban ngành có liên quan để giải quyết các vấn đề lĩnh vực đất đai về thủ tục xin miễn tiền thuê đất của Trạm bơm nước thô Hóa An (hợp đồng thuê đất số 40/HĐTD ngày 31/5/2017).

- Đề nghị kế toán tăng cường kiểm tra, rà soát các khoản thuế và phí để đảm bảo nộp đúng và đủ quy định của nhà nước.

- Đề nghị Ban điều hành Công ty có giải pháp để khắc phục tình trạng khai thác nước để đảm bảo việc tuân thủ các quy định về sử dụng, khai thác tài nguyên nước cũng như đảm bảo nguồn nước đáp ứng nhu cầu cấp nước cho khách hàng.

- Tăng cường công tác kiểm tra bảo trì hệ thống cấp nước, đồng hồ khách hàng, bảo dưỡng máy móc thiết bị hoạt động sản xuất của nhà máy nước để đảm bảo an toàn, hiệu quả. Đồng thời, phân kỳ kiểm tra, cải tạo, thay thế các đường ống cũ, xây dựng kế hoạch chi phí liên quan đến công tác bảo trì, bảo dưỡng đối với máy móc, thiết bị để đảm bảo cân đối tình hình tài chính của Công ty.

- Tập trung triển khai kế hoạch mở rộng mạng lưới cấp nước cho khu dân cư theo kế hoạch được giao, phát triển khách hàng sử dụng nước nhằm tăng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận cho Công ty. Đối với các dự án, công trình đầu tư xây dựng cơ bản trong năm 2025, Công ty đã triển khai rất chậm do đó cần lưu ý đến tiến độ thực hiện theo chủ trương, kế hoạch đã đề ra.

- Mở rộng phát triển khách hàng. Tập trung nhiệm vụ chống thất thoát. Tăng cường công tác quản lý mạng, công tác kiểm tra đường ống, kiểm tra đồng hồ khách hàng và quản lý ghi thu.

- Tiếp tục thực hiện công tác quản trị tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh, theo dõi và thu hồi các khoản công nợ phải thu. Ngoài các khoản nợ đã trích lập dự phòng, đề nghị Công ty thực hiện phân loại tuổi nợ và trích lập dự phòng các khoản phải thu theo quy định.

- Tuân thủ các quy định về tài chính và chuẩn mực kế toán trong việc hạch toán tài khoản đúng bản chất nghiệp vụ phát sinh, ghi nhận doanh thu, phân bổ chi phí, phân loại tài sản, quản lý công nợ; trích khấu hao... Cập nhật kịp thời các văn bản pháp luật về thuế, chế độ tài chính - kế toán.

- Tiếp tục cập nhật văn bản pháp luật trong hoạt động xây dựng, hoạt động đấu thầu và hoạt động sản xuất kinh doanh để thực hiện theo đúng quy định.

- Tăng cường đàn kết nội bộ, chú trọng công tác đào tạo chuyên môn cho cán bộ nhân viên công ty giúp nâng cao năng lực và trách nhiệm trong công việc, đáp ứng được yêu cầu phát triển của Công ty.

- Tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác sản xuất kinh doanh và điều hành quản lý.

Trên đây là Báo cáo của Ban kiểm soát về việc về kết quả kinh doanh của Công ty; kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị; Ban giám đốc năm 2025 và nhiệm kỳ IV (2023-2028); Báo cáo tự đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát năm 2025.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông năm 2026 xem xét.

Trân trọng.!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BGD Công ty;
- Thành viên BKS Công ty;
- Lưu VT, BKS .

D:HUONG/TLĐHCĐ2026

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Mai Hạnh



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, P.Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: (0251)3847241;

Fax: (0251)3840797;

MST : 3600978879

Website: <http://www.dvxdcn.com>

Số: 03/TTr- HĐQT-DVW

Trần Biên, ngày 03 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số: 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai.

- Căn cứ Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025 của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam thực hiện.

Công ty đã thực hiện công bố thông tin các nội dung Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán theo quy định và đã được đăng tải trên Website của Công ty: (<http://dvxdcn.vn> – mục: quan hệ cổ đông)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Trân trọng !.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- TV.HĐQT, BKS Công ty;
- BGĐ Công ty;
- Lưu VT-HĐQT.

D:/HUONG/TLĐHCD2026

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

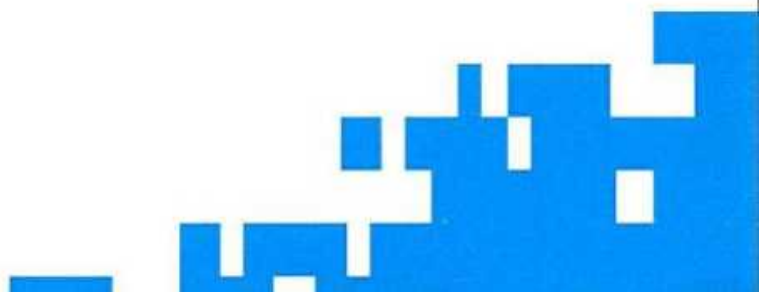


Nguyễn Anh Tuấn



**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG
CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 33

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Trần Chiến Thắng	Thành viên
Ông Đặng Nguyễn Thanh An	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Tú	Thành viên
Ông Lê Thành Trung	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Mai Hạnh	Trưởng ban
Bà Ngô Thị Đài Trang	Thành viên
Bà Trần Thị Hiền	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trịnh Hùng Sơn	Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Tú	Phó Giám đốc
Ông Trần Chiến Thắng	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 24/12/2025)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trịnh Hùng Sơn
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 02 năm 2026

RSM Việt Nam

Tầng 3A, Tòa nhà L'Mak The Signature
147-147Bis Hai Bà Trưng
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
T +8428 3827 5026
contact_hcm@rsm.com.vn
www.rsm.global/vietnam

Số: 30/2026/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 02 năm 2026 từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
ASSURANCE | TAX | CONSULTING

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

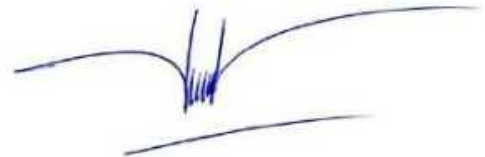


Trịnh Thanh Thanh
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2025-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2026



Lê Hoàng Mỹ Linh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
6326-2023-026-1

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		46.404.613.149	44.936.508.869
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	12.929.206.847	15.304.147.884
1. Tiền	111		11.429.206.847	13.804.147.884
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.500.000.000	1.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		31.250.000.000	27.600.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	31.250.000.000	27.600.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.466.859.247	1.516.548.921
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	1.918.989.923	2.126.359.556
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	255.026.919	314.655.755
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	338.244.094	254.397.488
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(1.045.401.689)	(1.178.863.878)
IV. Hàng tồn kho	140		657.659.555	462.868.065
1. Hàng tồn kho	141	4.7	657.659.555	462.868.065
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		100.887.500	52.943.999
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	100.887.500	52.943.999
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		18.837.087.506	21.997.342.574
I. Tài sản cố định	220		18.357.217.629	21.764.332.374
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	18.290.180.952	21.666.355.701
Nguyên giá	222		101.340.468.528	101.273.338.898
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(83.050.287.576)	(79.606.983.197)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	67.036.677	97.976.673
Nguyên giá	228		494.700.000	494.700.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(427.663.323)	(396.723.327)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		313.293.419	233.010.200
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.11	313.293.419	233.010.200
III. Tài sản dài hạn khác	260		166.576.458	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	166.576.458	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		65.241.700.655	66.933.851.443

(Xem trang tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		9.748.073.204	12.178.932.439
I. Nợ ngắn hạn	310		9.663.206.360	11.937.815.595
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	24.999.587	96.732.402
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	532.208.984	482.205.401
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	877.507.918	853.086.630
4. Phải trả người lao động	314	4.15	3.650.498.786	3.312.954.754
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.16	253.294.821	566.015.305
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	911.094.634	742.071.232
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.18	156.250.000	1.875.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.19	3.257.351.630	4.009.749.871
II. Nợ dài hạn	330		84.866.844	241.116.844
1. Phải trả người bán dài hạn	331	4.12	84.866.844	84.866.844
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.18	-	156.250.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		55.493.627.451	54.754.919.004
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.20.1	55.493.627.451	54.754.919.004
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		23.450.000.000	23.450.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		23.450.000.000	23.450.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		31.510.500	31.510.500
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.224.256.255	14.227.990.111
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.787.860.696	17.045.418.393
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		5.205.519.178	7.057.864.581
LNST chưa phân phối năm nay	421b		9.582.341.518	9.987.553.812
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		65.241.700.655	66.933.851.443



Trịnh Hùng Sơn
Giám đốc

Lê Chí Nguyên Thăng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa
Người lập

Đồng Nai, ngày 10 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	44.823.013.836	44.432.135.499
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		44.823.013.836	44.432.135.499
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	23.700.341.663	23.504.679.459
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.122.672.173	20.927.456.040
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.427.785.052	1.350.580.326
6. Chi phí tài chính	22	5.4	77.372.000	209.821.000
Trong đó, chi phí lãi vay	23		77.372.000	209.821.000
7. Chi phí bán hàng	25	5.5	4.084.064.288	3.789.180.966
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	7.555.905.641	7.185.681.363
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.833.115.296	11.093.353.037
10. Thu nhập khác	31		374.792.186	476.347.737
11. Chi phí khác	32		340.997.596	254.844.139
12. Lợi nhuận khác	40		33.794.590	221.503.598
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.866.909.886	11.314.856.635
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	1.284.568.368	1.327.302.823
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.582.341.518	9.987.553.812
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.20.3	3.473	3.620
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.20.4	3.473	3.620



Trịnh Hùng Sơn
Giám đốc

Lê Chí Nguyên Thăng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa
Người lập

Đồng Nai, ngày 10 tháng 02 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.866.909.886	11.314.856.635
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.7	3.474.244.375	3.569.302.679
Các khoản dự phòng	03	5.7	(133.462.189)	(540.457.611)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.427.785.052)	(1.350.580.326)
Chi phí lãi vay	06	5.4	77.372.000	209.821.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		12.857.279.020	13.202.942.377
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		335.895.973	3.012.174.449
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(194.791.490)	119.331.576
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		183.747.134	840.337.903
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(214.519.959)	(52.943.999)
Tiền lãi vay đã trả	14		(77.372.000)	(209.821.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.14	(1.271.756.546)	(1.404.803.516)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.561.031.312)	(2.210.613.752)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.057.450.820	13.296.604.038
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(147.412.849)	(934.354.045)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(18.650.000.000)	(33.600.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		15.000.000.000	23.600.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.275.040.942	1.350.580.326
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.522.371.907)	(9.583.773.719)

(Xem trang tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	6	(1.875.000.000)	(1.875.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.20.5	(7.035.019.950)	(4.685.823.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.910.019.950)	(6.560.823.800)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	50		(2.374.941.037)	(2.847.993.481)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		15.304.147.884	18.152.141.365
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	4.1	12.929.206.847	15.304.147.884



Trịnh Hùng Sơn
Giám đốc

Lê Chí Nguyên Thăng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa
Người lập

Đồng Nai, ngày 10 tháng 02 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Xí nghiệp Thiết kế xây dựng – một đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai. Ngày 24 tháng 09 năm 2007, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận Quyết định số 3058/QĐ-UBND ngày 24 tháng 09 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành. Công ty chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 18 tháng 02 năm 2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600978879 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 03 tháng 12 năm 2024 để thay đổi thông tin địa chỉ Công ty.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 241/2017/GCNCP-VSD ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Ngày 29 tháng 05 năm 2018, Công ty chính thức được giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DVV.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 23.450.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	Việt Nam	8.442.000.000	36	8.442.000.000	36
Các nhà đầu tư khác	Việt Nam	15.008.000.000	64	15.008.000.000	64
Cộng		23.450.000.000	100	23.450.000.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 85 (01 tháng 01 năm 2025 là: 88).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Cung cấp nước sạch và dịch vụ lắp đặt.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch và cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống chuyên ngành nước.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.3. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn nắm giữ với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

3.4. Nợ phải thu

Nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng và phải thu khác theo nguyên tắc: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người mua là đơn vị độc lập với người bán; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị sau ban đầu

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
▪ Máy móc thiết bị	06 – 12 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 30 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị sau ban đầu

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chi phí phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu liên quan đến nhãn hiệu hàng hóa, quyền phát hành, danh sách khách hàng và các khoản mục tương tự về bản chất (kể cả trường hợp mua từ bên ngoài hoặc tạo ra từ nội bộ Công ty) luôn được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ xuất dùng, Chi phí cấp phép khai thác nước mặt. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 1 đến 2 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí cấp phép khai thác nước mặt được phân bổ dần trong 2 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là các khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.13. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

3.15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu là chi phí lãi vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ, bao gồm các khoản lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí vật tư xuất dùng cho hoạt động xây lắp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với hoạt động kinh doanh cung cấp nước sạch theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 của Bộ Tài chính áp dụng cho đơn vị xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ cung cấp nước sạch: 5%;
- Dịch vụ xây lắp công trình: 10%.

Theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.20. Bảo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền mặt	48.694.359	87.305.342
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.380.512.488	13.716.842.542
Các khoản tương đương tiền (*)	1.500.000.000	1.500.000.000
Cộng	12.929.206.847	15.304.147.884

(*) Là khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai có kỳ hạn 01 tháng với lãi suất 1,6%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng tại ngân hàng, được chi tiết như sau.

<u>Ngân hàng</u>	<u>Kỳ hạn</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>Tại ngày 31/12/2025 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2025 VND</u>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	6 tháng	4,5% – 5,2% /năm	12.000.000.000	9.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	6 tháng	4,90 – 4,95% /năm	10.600.000.000	10.600.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	6 tháng	4,2 – 4,3% /năm	5.650.000.000	8.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	12 tháng	4,6%/năm	3.000.000.000	-
Cộng			31.250.000.000	27.600.000.000

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Tại ngày 31/12/2025 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2025 VND</u>
Ban Quản lý dự án Biên Hòa	629.127.881	629.127.881
Các hộ dân	1.164.294.948	1.016.040.860
Các khách hàng khác (*)	125.567.094	481.190.815
Cộng	1.918.989.923	2.126.359.556

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, phải thu các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Tại ngày 31/12/2025 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2025 VND</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	2.400.000	348.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần TMDV Môi trường Thuận Lâm Phát	199.185.440	199.185.440
Các nhà cung cấp khác	53.441.479	115.122.315
Cộng	255.026.919	314.655.755

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng nhân viên	185.499.984	-	214.500.000	-
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	152.744.110	-	-	-
Phải thu thuế thu nhập cá nhân	-	-	39.897.488	-
Cộng	338.244.094	-	254.397.488	-

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.112.432.958	67.031.269	1.218.778.837	39.914.959

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số dư đầu năm	1.178.863.878	1.719.321.489
Trích lập trong năm	292.739.971	-
Hoàn nhập trong năm	(426.202.160)	(540.457.611)
Số dư cuối năm	1.045.401.689	1.178.863.878

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CÁP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Ban Quản lý dự án Biên Hòa	629.127.881	-	Trên 3 năm	629.127.881	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Xây dựng Duy Tiên	87.512.173	-	Trên 3 năm	87.512.173	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Đồng Nai	90.287.933	-	Trên 3 năm	90.287.933	-	Trên 3 năm
Khách hàng khác	305.504.971	67.031.269	Trên 6 tháng	411.850.850	39.914.959	Trên 6 tháng
Cộng	1.112.432.958	67.031.269		1.218.778.837	39.914.959	

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	643.570.646	-	436.102.065	-
Công cụ, dụng cụ	14.088.909	-	26.766.000	-
Cộng	657.659.555	-	462.868.065	-

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn:		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	100.887.500	52.943.999
Chi phí trả trước dài hạn:		
Chi phí cấp phép khai thác nước mặt	88.031.124	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	78.545.334	-
Cộng	166.576.458	-

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2025	17.484.423.234	25.517.388.179	57.773.586.486	497.940.999	101.273.338.898
Mua mới trong năm	-	-	-	67.129.630	67.129.630
Phân loại lại	-	55.800.000	(55.800.000)	-	-
Tại ngày 31/12/2025	17.484.423.234	25.573.188.179	57.717.786.486	565.070.629	101.340.468.528
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2025	16.393.568.188	24.979.214.833	37.742.525.831	491.674.345	79.606.983.197
Khấu hao trong năm	395.456.952	359.491.889	2.673.697.680	14.657.858	3.443.304.379
Phân loại lại	-	7.971.431	(7.971.431)	-	-
Tại ngày 31/12/2025	16.789.025.140	25.346.678.153	40.408.252.080	506.332.203	83.050.287.576
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2025	1.090.855.046	538.173.346	20.031.060.655	6.266.654	21.666.355.701
Tại ngày 31/12/2025	695.398.094	226.510.026	17.309.534.406	58.738.426	18.290.180.952

Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025 của TSCĐ hữu hình là 14.768.555.536 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm Mục 4.18.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 32.871.802.166 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Tài sản cố định vô hình

Là giá trị đang ghi sổ của các phần mềm máy vi tính tại ngày 31/12/2025.

Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 340.000.000 VND.

4.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Công trình nâng cấp công suất nhà máy	229.000.000	223.000.000
Công trình lắp đặt các tuyến ống cấp nước	74.283.219	-
Công trình khác	10.010.200	10.010.200
Cộng	313.293.419	233.010.200

4.12. Phải trả người bán

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:				
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	24.999.587	24.999.587	96.732.402	96.732.402
Dài hạn:				
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B	48.579.300	48.579.300	48.579.300	48.579.300
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây lắp Long Hải Vương	30.090.244	30.090.244	30.090.244	30.090.244
Công ty TNHH MTV Đức Nghĩa	6.197.300	6.197.300	6.197.300	6.197.300
Cộng	84.866.844	84.866.844	84.866.844	84.866.844

(*) Tại ngày 31/12/2025, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Liên hiệp Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tổng hợp Đồng Nai	250.000.000	250.000.000
Công ty TNHH Tư vấn thiết kế Xây dựng Trần Minh	200.000.000	200.000.000
Các khách hàng khác (*)	82.208.984	32.205.401
Cộng	532.208.984	482.205.401

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khách hàng khác trả trước có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng người mua trả tiền trước ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, phường Trán Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	191.202.240	931.932.493	832.485.065	91.754.832
Thuế thu nhập doanh nghiệp	342.072.225	1.284.568.368	1.271.756.546	329.260.403
Thuế thu nhập cá nhân	44.162.744	936.016.091	938.950.835	47.097.488
Thuế tài nguyên	20.935.680	243.475.165	242.292.485	19.753.000
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	39.571.110	142.680.543	103.109.433	-
Thuế bảo vệ môi trường và các thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	239.563.919	4.051.765.906	4.177.422.894	365.220.907
Cộng	877.507.918	7.593.438.566	7.569.017.278	853.086.630

4.15. Phải trả người lao động

Là quỹ tiền lương phải trả cho người lao động tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

4.16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Chi phí tiền điện phải trả	165.645.091	173.730.703
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	392.284.602
Chi phí nhân công phải trả	68.210.000	-
Các khoản phải trả khác	19.439.730	-
Cộng	253.294.821	566.015.305

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.17. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	104.461.980	104.461.980
Phải trả các khoản BHXH, BHYT, BHTN, BHYT và KPCĐ	396.775.269	288.225.029
Nhận ký quỹ, ký cược	165.000.000	85.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.847.505	6.867.455
Các khoản phải trả khác	238.009.880	257.516.768
Cộng	911.094.634	742.071.232

4.18. Vay

	Tại ngày 31/12/2025 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2025 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn đến hạn trả	156.250.000	156.250.000	156.250.000	1.875.000.000	1.875.000.000	1.875.000.000
Vay dài hạn	-	-	-	156.250.000	156.250.000	156.250.000
Cộng	156.250.000	156.250.000	156.250.000	2.031.250.000	2.031.250.000	2.031.250.000

Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn tại Quý đầu tư phát triển Đồng Nai như sau:

Hạn mức vay: 15.000.000.000 VND

Thời hạn vay: 96 tháng

Lãi suất: 7,00%/năm

Mục đích vay: Đầu tư nhà máy nước, hệ thống cấp nước 04 phường xã

Tài sản đảm bảo: Tài sản cố định là hệ thống phân phối nước khu vực 04 phường xã: Hóa An, Tân Hạnh, Bửu Hòa và Tân Vạn có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025 là 14.768.555.536 VND – Xem thêm Mục 4.9

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CÁP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng VND	Quỹ phúc lợi VND	Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2025	2.867.946.699	1.141.803.172	-	4.009.749.871
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	199.751.076	1.298.381.995	310.500.000	1.808.633.071
Chi trong năm	(441.880.000)	(1.808.651.312)	(310.500.000)	(2.561.031.312)
Tại ngày 31/12/2025	2.625.817.775	631.533.855	-	3.257.351.630

Công ty trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHCB-DVVW ngày 15 tháng 04 năm 2025.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.20. Vốn chủ sở hữu****4.20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND		
Tại ngày 01/01/2024	23.450.000.000	31.510.500	11.423.505.145	16.254.494.530		51.159.510.175
Lãi trong năm trước	-	-	-	9.987.553.812		9.987.553.812
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.804.484.966	(2.804.484.966)		-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.702.144.983)		(1.702.144.983)
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	(4.690.000.000)		(4.690.000.000)
Tại ngày 01/01/2025	23.450.000.000	31.510.500	14.227.990.111	17.045.418.393		54.754.919.004
Lãi trong năm nay	-	-	-	9.582.341.518		9.582.341.518
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.996.266.144	(2.996.266.144)		-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.808.633.071)		(1.808.633.071)
Chia cổ tức năm nay (*)	-	-	-	(7.035.000.000)		(7.035.000.000)
Tại ngày 31/12/2025	23.450.000.000	31.510.500	17.224.256.255	14.787.860.696		55.493.627.451

(*) Việc phân phối lợi nhuận năm nay được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHCD-DVW ngày 15 tháng 04 năm 2025. Trong đó, cổ tức được chia cho bên liên quan là 2.532.600.000 VND – Xem thêm Mục 8.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.20.2. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	2.345.000	2.345.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	2.345.000	2.345.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	2.345.000	2.345.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.20.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	9.582.341.518 (1.437.351.229)	9.987.553.812 (1.498.133.072)
Lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.144.990.289	8.489.420.740
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	2.345.000	2.345.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.473	3.620

(*) Tại ngày 31/12/2025, Công ty ước tính số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỷ lệ 15% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHCĐ-DVW ngày 15 tháng 04 năm 2025.

4.20.4. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	9.582.341.518 (1.437.351.229)	9.987.553.812 (1.498.133.072)
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	8.144.990.289	8.489.420.740
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.345.000	2.345.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.473	3.620

(*) Tại ngày 31/12/2025, Công ty ước tính số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỷ lệ 15% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHCĐ-DVW ngày 15 tháng 04 năm 2025.

4.20.5. Cổ tức

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số dư đầu năm	6.867.455	2.691.255
Cổ tức phải trả	7.035.000.000	4.690.000.000
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	(7.035.019.950)	(4.685.823.800)
Số dư cuối năm	6.847.505	6.867.455

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.20.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2025	14.227.990.111
Trích trong năm	2.996.266.144
Chi trong năm	-
Tại ngày 31/12/2025	17.224.256.255

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu cung cấp nước sạch	43.791.677.950	43.096.173.900
Doanh thu cung cấp dịch vụ xây lắp	1.031.335.886	1.335.961.599
Cộng	44.823.013.836	44.432.135.499

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	23.103.304.057	22.773.496.568
Giá vốn cung cấp dịch vụ xây lắp	597.037.606	731.182.891
Cộng	23.700.341.663	23.504.679.459

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi phát sinh trong năm.

5.4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay phát sinh trong năm.

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên	2.451.479.760	2.149.275.435
Chi phí vật liệu, dụng cụ	878.831.369	871.260.299
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.939.996	30.939.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	430.235.689	523.523.373
Chi phí khác bằng tiền	292.577.474	214.181.863
Cộng	4.084.064.288	3.789.180.966

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên	6.339.082.050	6.079.366.453
Chi phí đồ dùng văn phòng	57.988.224	590.884.623
Chi phí khấu hao tài sản cố định	117.704.707	115.483.488
(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(133.462.189)	(540.457.611)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	626.804.423	544.566.083
Chi phí khác bằng tiền	547.788.426	395.838.327
Cộng	7.555.905.641	7.185.681.363

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân công	19.295.359.026	20.062.465.571
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.646.325.564	3.655.541.318
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.474.244.375	3.569.302.679
(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(133.462.189)	(540.457.611)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.112.186.489	5.836.516.116
Chi phí khác bằng tiền	1.945.658.327	1.896.173.715
Cộng	35.340.311.592	34.479.541.788

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong năm được xác định như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	10.866.909.886	11.314.856.635
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	368.000.000	288.000.000
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	11.234.909.886	11.602.856.635
Trong đó:		
- Thu nhập tính thuế được hưởng ưu đãi (thuế suất 10%)	9.624.136.093	9.932.685.036
- Thu nhập tính thuế không được hưởng ưu đãi (thuế suất 20%)	1.610.773.793	1.670.171.599
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	1.284.568.368	1.327.302.823
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	1.284.568.368	1.327.302.823

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế TNDN.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	<u>Năm 2025</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2024</u> <u>VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(1.875.000.000)	(1.875.000.000)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước sạch, chiếm phần lớn doanh thu và được thực hiện tại một khu vực địa lý duy nhất là tỉnh Đồng Nai. Các hoạt động còn lại không đáng kể và không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế. Do đó, Công ty chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và một bộ phận theo khu vực địa lý. Vì vậy, theo VAS 28 – Báo cáo bộ phận, Công ty không thuyết minh báo cáo bộ phận thành một khoản mục riêng biệt.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

- | | |
|---|------------------------------|
| 1. Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai | Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể |
| 2. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày</u> <u>31/12/2025</u> <u>VND</u>	<u>Tại ngày</u> <u>01/01/2025</u> <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai:		
Trả trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.4	2.400.000	348.000
Phải trả ngắn hạn khác về thu hộ tiền nước – Xem thêm Mục 4.17	104.461.980	104.461.980

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2025</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2024</u> <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai:		
Mua hàng	252.145.519	295.732.561
Chia cổ tức – Xem thêm Mục 4.20.1	2.532.600.000	1.688.400.000

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, Đường Cách Mạng Tháng 8, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Lương, thù lao và các khoản chi phí khác của các thành viên Hội đồng quản trị (" HĐQT"), Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2025 VND		Năm 2024 VND		Cộng
		Thù lao	Thu nhập	Thù lao	Thu nhập	
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	-	779.500.000	-	646.400.000	646.400.000
Ông Trần Chiến Thắng	Thành viên HĐQT / Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 24/12/2025)	84.000.000	528.400.000	84.000.000	480.920.000	564.920.000
Ông Phạm Ngọc Tú	Thành viên HĐQT / Phó Giám đốc	84.000.000	581.400.000	84.000.000	486.920.000	570.920.000
Ông Đặng Nguyễn Thanh An	Thành viên HĐQT	84.000.000	42.000.000	84.000.000	41.500.000	125.500.000
Ông Lê Thành Trung	Thành viên HĐQT	84.000.000	36.000.000	84.000.000	30.000.000	114.000.000
Ông Trịnh Hùng Sơn	Giám đốc	-	708.800.000	-	545.050.000	545.050.000
Ông Lê Chí Nguyễn Thăng	Kế toán trưởng	-	493.400.000	-	395.940.000	395.940.000
Bà Nguyễn Thị Mai Hạnh	Trưởng Ban Kiểm soát	84.000.000	23.000.000	84.000.000	16.500.000	100.500.000
Bà Ngô Thị Đài Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	60.000.000	10.000.000	60.000.000	9.500.000	69.500.000
Bà Trần Thị Hiền	Thành viên Ban Kiểm soát	60.000.000	10.000.000	60.000.000	7.000.000	67.000.000
Cộng		540.000.000	3.212.500.000	540.000.000	2.659.730.000	3.199.730.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm 2024 VND <u>(Được báo cáo lại)</u>	Năm 2024 VND <u>(Đã được báo cáo trước đây)</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.620	3.474
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.620	3.474

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do Công ty xác định lại Quỹ khen thưởng phúc lợi theo tỷ lệ 15% lợi nhuận sau thuế của năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2025/NQ-ĐHCĐ-DVW ngày 15/04/2025 nên đã làm thay đổi lợi nhuận để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu của năm 2024. Do đó, lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2024 trình bày để so sánh đã được điều chỉnh lại tương ứng.

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 15/01/2026, Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai thông báo về việc Công ty không đáp ứng điều kiện Công ty đại chúng theo Văn bản số 07/CV-DVW. Ngoài vấn đề nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2025 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Trịnh Hùng Sơn
Giám đốc

Lê Chí Nguyên Thăng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa
Người lập

Đồng Nai, ngày 10 tháng 02 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, P.Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: (0251)3847241;

Fax: (0251)3840797;

MST : 3600978879

Website: <http://www.dvxdcn.com>

Số: 04/TTr- HĐQT-DVW

Trần Biên, ngày 03 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2025; Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
- Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 của Công ty.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2025; Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2026 như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập các quỹ năm 2025:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
1	Vốn điều lệ	23.450.000.000
2	Lợi nhuận SXKD sau thuế TNDN :	9.582.341.518
3	Trích lập các quỹ	4.599.523.928
a	Quỹ đầu tư phát triển (30%)	2.874.702.455
b	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (17%)	1.628.998.058
c	Quỹ công tác xã hội cộng đồng (1%)	95.823.415
4	Lợi nhuận còn lại sau trích lập các quỹ	4.982.817.590
5	Lợi nhuận còn lại các năm chuyển sang	5.205.519.178
6	Tổng lợi nhuận còn lại	10.188.336.768
7	Tỉ lệ chia cổ tức/VĐL (30%)	7.035.000.000
8	Tổng lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2026	3.153.336.768

(*) ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT tổ chức thực hiện chi trả cổ tức năm 2025

II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập các quỹ năm 2026 (Dự kiến)

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
1	Vốn điều lệ	23.450.000.000
2	Lợi nhuận SXKD sau thuế TNDN :	9.982.000.000
3	Trích lập các quỹ	4.791.360.000
a	Quỹ đầu tư phát triển (30%)	2.994.600.000
b	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (17%)	1.696.940.000
c	Quỹ công tác xã hội cộng đồng (1%)	99.820.000
4	Lợi nhuận còn lại sau trích lập các quỹ	5.190.640.000
5	Lợi nhuận còn lại các năm chuyển sang	3.153.336.768
6	Tỉ lệ chia cổ tức/VĐL (15%)	3.517.500.000
7	Tổng lợi nhuận còn lại	4.826.476.768

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- HĐQT, BGD Công ty;
- Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu: VT-HĐQT.

D:HUONG/TLĐHCĐ2026

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, P.Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: (0251)3847241;

Fax: (0251)3840797;

MST : 3600978879

Website: <http://www.dvxdcn.com>

Số: 05/TTr- HĐQT-DVW

Trần Biên, ngày 03 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v : Quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị,
Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

- Căn cứ Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ và Thông tư 003/2025/TT-BNV ngày 28/4/2025 của Bộ Nội vụ về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp Nhà nước;

- Căn cứ Nghị định 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét Quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026 như sau:

1. Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện năm 2025:

- Tiền lương của Chủ tịch HĐQT chuyên trách: 648.000.000 đồng

- Thù lao của HĐQT, BKS không chuyên trách: 540.000.000 đồng

2. Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2026:

ST T	Nội dung	Số lượng (người)	Mức tạm ứng (đồng/người/ tháng)	Mức thù lao (đồng/người / tháng)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	36.000.000	
2	Thành viên HĐQT	4		7.000.000
3	Trưởng BKS không chuyên trách	1		7.000.000

4	Thành viên Ban kiểm soát	2		5.000.000
5	Người phụ trách quản trị công ty	1		4.000.000

Tiền lương và thù lao thực hiện năm 2026 của HĐQT và Ban Kiểm soát sẽ được quyết toán theo các quy định hiện hành và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Cổ đông Công ty;
 - TV. HĐQT, BKS Công ty;
 - Ban Giám đốc Công ty;
 - Lưu VT-HĐQT./.
- D:HUONG/TLĐHCD2026

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, P.Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: (0251)3847241;

Fax: (0251)3840797;

MST : 3600978879

Website: <http://www.dvxdcn.com>

Số: /TTr- BKS-DVW

Trần Biên, ngày 16 tháng 03 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua danh sách các Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số: 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty như sau:

- 1. Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam.**
- 2. Công ty TNHH Kiểm toán VACO**
- 3. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

- Các Công ty kiểm toán trên hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, nằm trong danh sách công ty kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính và được cung cấp dịch vụ kiểm toán cho các công ty niêm yết theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Kính trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn 01 Công ty trong số các Công ty theo danh sách trên để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua ./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- BKS Công ty;
- Lưu VT-HĐQT./.

D.HUONG/TLĐHĐCĐ2026

Nguyễn Thị Mai Hạnh



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, P.Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: (0251)3847241;

Fax: (0251)3840797;

MST : 3600978879

Website: <http://www.dvxdcn.com>

Số: 07/TTr- HĐQT-DVW

Trần Biên, ngày 03 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty
Cổ phần dịch vụ và xây dựng Cấp nước Đồng Nai.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số: 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai.

Hội đồng quản trị Công ty Công ty Cổ phần dịch vụ và xây dựng Cấp nước Đồng Nai. Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cho phù hợp với quy định của pháp luật;

(Phụ lục điều chỉnh đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- TV. HĐQT, BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu VT-HĐQT./.

D:HƯƠNG/TLĐHCĐ2026

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Tuấn



PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
(Đính kèm tờ trình số 07/TTr-HĐQT-DVW ngày 03/04/2026)

Nội dung hiện tại	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Giải trình
<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>b) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>b) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;</p>	<p>Căn cứ Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2025 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025</p>
<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>.....</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Địa chỉ trụ sở chính: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>.....</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Địa chỉ trụ sở chính: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Trán Biên, tỉnh Đồng Nai.</p> <p>.....</p>	<p>Điều chỉnh địa chỉ Công ty do thực hiện sáp nhập địa giới hành chính theo Nghị quyết của Quốc hội</p>
<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục</p>	<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ</p>	<p>Căn cứ khoản 18 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15</p>

Nội dung hiện tại	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Giải trình
<p>dịch cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p>	<p>chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng có đông.</p>	
<p>Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: c. Chi được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác; </p>	<p>Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: c. Chi được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;; </p>	<p>Căn cứ khoản 78 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP</p>
<p>Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. </p>	<p>Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị 3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành. </p>	<p>Căn cứ Khoản 79 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP</p>
<p>Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a)..... r) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này</p>	<p>Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a)..... r) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị Công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Người phụ trách quản trị Công</p>	<p>Căn cứ Khoản 81 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP</p>

Nội dung hiện tại	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Giải trình
	<p>ty và người quản lý khác của Công ty</p> <p>s) Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.</p> <p>t) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này</p>	
<p>Điều 27. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>4. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận tiền thưởng từ quỹ tiền thưởng của người quản lý do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Mức thưởng cho Chủ tịch và từng thành viên do Hội đồng quản trị quyết định</p>	<p>Điều 27. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>4. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận tiền thưởng theo Quy chế Thưởng của Công ty. Mức thưởng của Chủ tịch và từng thành viên Hội đồng quản trị tạm chi trong năm do Hội đồng quản trị phê duyệt và sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất thông qua.</p>	<p>Theo Khung trích quỹ chung của Công ty không còn quỹ tiền thưởng của người quản lý</p>
<p>Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>3. Các thành viên Ban Kiểm soát được nhận tiền thưởng từ quỹ tiền thưởng của người quản lý do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Mức thưởng cho Trưởng Ban và từng thành viên do Hội đồng quản trị quyết định.</p>	<p>Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>3. Các thành viên Ban Kiểm soát được nhận tiền thưởng theo Quy chế Thưởng của Công ty; Mức thưởng của Trưởng Ban và từng thành viên Ban kiểm soát tạm chi trong năm do Hội đồng quản trị phê duyệt và sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất thông qua..</p>	<p>Theo Khung trích quỹ chung của Công ty không còn quỹ tiền thưởng của người quản lý</p>
<p>Điều 47. Phân phối lợi nhuận</p> <p>.....</p> <p>6. Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm sau khi đã bù đắp các khoản lỗ của các năm trước (nếu có), bao gồm: quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động, quỹ thưởng của người quản lý, quỹ công tác xã hội cộng đồng, quỹ thưởng cho các cá nhân, đơn vị hữu quan và quỹ khác nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua."</p>	<p>Điều 47. Phân phối lợi nhuận</p> <p>.....</p> <p>6. Sau khi bù đắp khoản lỗ của các năm trước (nếu có), Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế bao gồm: Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi; Quỹ thưởng cho cá nhân, đơn vị hữu quan; Quỹ công tác xã hội cộng đồng.</p>	<p>Theo Khung trích quỹ chung của Công ty</p>



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, P.Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: (0251)3847241;

Fax: (0251)3840797;

MST : 3600978879

Website: <http://www.dvxdcn.com>

Số: 08/TTr- HĐQT-DVW

Trần Biên, ngày 03 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần dịch vụ và xây dựng Cấp nước Đồng Nai.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số: 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai.

Hội đồng quản trị Công ty Công ty Cổ phần dịch vụ và xây dựng Cấp nước Đồng Nai. Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty cho phù hợp với quy định của pháp luật;

(Phụ lục điều chỉnh đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- TV. HĐQT, BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu VT-HĐQT./.

D:HUONG/ILDHCD2026

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Tuấn

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

(Đính kèm tờ trình số 08/TTr-HĐQT-DVW ngày 03/04/2026)



Nội dung hiện tại	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Giải trình
<p>II. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT</p> <p>Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>Điều 6: Chủ tịch Hội đồng quản trị Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị d) Thay mặt Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động, quyết định bổ nhiệm đối với Ban Giám đốc, Kế toán trưởng/Công ty; e) Được chủ động thay mặt Hội đồng quản trị ký hồ sơ, giải quyết các công việc và báo cáo kết quả với Hội đồng quản trị trong phiên họp gần nhất: - Ký các quyết định:</p>	<p>Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019 QH14 ngày 26/11/2019 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025; Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025;</p> <p>Điều 6: Chủ tịch Hội đồng quản trị Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị d) Thay mặt Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động, quyết định bổ nhiệm đối với Ban Giám đốc, Kế toán trưởng/Phụ trách Kế toán Công ty; e) Được chủ động thay mặt Hội đồng quản trị ký hồ sơ, giải quyết các công việc và báo cáo kết quả với Hội đồng quản trị trong phiên họp gần nhất: - Ký các quyết định: Ký các văn bản chấp thuận chủ trương theo Tờ trình, văn bản xin ý kiến của Giám đốc Công ty: + Phê duyệt các chủ trương liên quan đến công tác cán bộ thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc Công ty. + Phê duyệt kế hoạch điều động, luân chuyển cán bộ, người lao động hàng năm; + Phê duyệt danh sách quy hoạch, rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo Công ty; Thông qua danh sách quy hoạch, rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý cấp Công ty</p>	<p>Cập nhật các căn cứ Luật, Nghị định mới</p> <p>Bổ sung các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT Công ty</p> <p>Làm rõ các Quy chế hiện hành của Công ty</p>



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, P.Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: (0251)3847241;

Fax: (0251)3840797;

MST : 3600978879

Website: <http://www.dvxdcn.com>

Số: 09/TTr- HĐQT-DVW

Trần Biên, ngày 03 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị
Công ty Cổ phần dịch vụ và xây dựng Cấp nước Đồng Nai.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số: 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần dịch vụ và xây dựng Cấp nước Đồng Nai. Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cho phù hợp với quy định của pháp luật;

(Phụ lục điều chỉnh đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- TV. HĐQT, BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu VT-HĐQT./.

D:HUONG/TLĐHCD2026

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Tuấn



PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
(Đính kèm tờ trình số 09/Tr-HĐQT-DVW ngày 03/04/2026)

Nội dung hiện tại	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Giải trình
<p>Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p>	<p>Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019 QH14 ngày 26/11/2019 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025; Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025;</p>	Cập nhật các căn cứ Luật, Nghị định mới



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, P.Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: (0251)3847241;

Fax: (0251)3840797;

MST : 3600978879

Website: <http://www.dvxdcn.com>



Số: 10/TTr- HĐQT-DVW

Trần Biên, ngày 03 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần dịch vụ và xây dựng Cấp nước Đồng Nai.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số: 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai.

Hội đồng quản trị Công ty Công ty Cổ phần dịch vụ và xây dựng Cấp nước Đồng Nai. Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cho phù hợp với quy định của pháp luật;

(Phụ lục điều chỉnh đính kèm).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- TV. HĐQT, BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu VT-HĐQT./.

D:HƯƠNG/TLĐHCĐ2026

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Tuấn



PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
(Đính kèm tờ trình số 10/TTr-HĐQT-DVW ngày 03/04/2026)

Nội dung hiện tại	Nội dung điều chỉnh, bổ sung	Giải trình
<p>Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p>	<p>Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019 QH14 ngày 26/11/2019 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025; Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025;</p>	Cập nhật các căn cứ Luật, Nghị định mới



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Mã cổ đông:.....

Họ và tên Cổ đông:

Tổng số lượng cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu:.....cổ phần.

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không ý kiến
1. Thông qua Báo cáo kết quả SXKD năm 2025. Kế hoạch kinh doanh năm 2026.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Thông qua Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2025. Kế hoạch hoạt động HĐQT năm 2026.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty năm 2025; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên năm 2025.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2025; kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2026.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6. Thông qua tờ trình Quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7. Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
8. Thông qua tờ trình Sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
9. Thông qua tờ trình Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
10. Thông qua tờ trình Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
11. Thông qua tờ trình Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Hướng dẫn:

Cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu (X) vào MỘT trong các phương án: “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không ý kiến” cho từng nội dung biểu quyết.

Trần Biên, ngày 08 tháng 4 năm 2026

CỔ ĐÔNG

(Ký và Ghi rõ họ tên)

.....



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52 -Cách Mạng Tháng 8, P. Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: (0251)3847241;

Fax: (0251)3840797;

MST : 3600978879

Website: <http://www.dvxdcn.com>

Số: 01/2026/BB-ĐHCD-DVW

Trần Biên, ngày 08 tháng 04 năm 2026

DỰ THẢO

BIÊN BẢN HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI (DWCS)

- Địa chỉ trụ sở chính: số 52 Cách mạng tháng 8, phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.

- Giấy ĐKKD: số 3600978879 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 03/12/2024.

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẠI HỘI:

- Thời gian: vào lúc 08 giờ 30 phút, ngày 08 tháng 4 năm 2026 (Thứ tư).

- Địa điểm: tại Hội trường Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai.

III. THÀNH PHẦN THAM DỰ :

- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty;

- Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai chốt đến ngày 10/03/2026 theo danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp.

IV. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN CỦA BUỔI HỌP:

1. Báo cáo kết quả kiểm tra tính hợp lệ và điều kiện tiến hành họp:

Đại hội đã nghe Bà Trần Thị Hiền - Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông công bố Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2026, như sau:

- Tổng số cổ đông và đại diện nhóm cổ đông được mời dự họp: 105 cổ đông.

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông được mời tham dự: 2.345.000 cổ phần.

- Tại thời điểm khai mạc Đại hội có cổ đông và đại diện cổ đông được ủy quyền, nắm giữ cổ phần, chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.



Căn cứ theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đã đủ điều kiện để khai mạc và tiến hành theo quy định.

2. Chủ tọa Đại hội

- Ông Nguyễn Anh Tuấn - Chủ tịch Hội đồng quản trị

3. Thư ký Đại hội

Chủ tọa Đại hội cử Thư ký Đại hội

- Bà Nguyễn Thị Tân Hương - Người phụ trách quản trị Công ty

4. Ban kiểm phiếu

Sau khi nghe Chủ tọa giới thiệu danh sách nhân sự Ban kiểm phiếu trình Đại hội, Đại hội đã biểu quyết nhất trí% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội thông qua danh sách Ban kiểm phiếu, gồm:

- Trần Thị Hiền - Trưởng ban.
- Đặng Thị Tú - Thành viên
- Kiều Phương Thảo - Thành viên.

5. Thông qua Quy chế làm việc: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai.

Tỷ lệ nhất trí biểu quyết:%

6. Thông qua chương trình Đại hội

Chủ tọa Đại hội đã trình Đại hội biểu quyết nhất trí% (số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội) thông qua nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

7. Các Báo cáo và Tờ trình của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trình Đại hội:

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thông qua các báo cáo, tờ trình:

- Báo cáo kết quả SXKD năm 2025. Kế hoạch kinh doanh năm 2026;
- Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2025. Kế hoạch hoạt động HĐQT năm 2026;
- Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty năm 2025; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên năm 2025;
- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025;
- Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2025; kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2026;
- Tờ trình Quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026;

- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026;
- Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty

8. Các ý kiến thảo luận tại Đại hội:

Đại hội đã được nghe các nội dung báo cáo, tờ trình của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Chủ tọa Đại hội đã tiến hành lấy ý kiến thảo luận của các cổ đông tham dự Đại hội về các báo cáo tờ trình.

9. Đại hội đã thảo luận và biểu quyết các nội dung:

9.1 Thông qua kết quả SXKD năm 2025. Kế hoạch kinh doanh năm 2026.

*** Kết quả biểu quyết:**

- *Tán thành* :cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- *Không tán thành*:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- *Không có ý kiến*:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Nội dung này đã được thông qua.

9.2 Thông qua Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2025. Kế hoạch hoạt động HĐQT năm 2026.

*** Kết quả biểu quyết:**

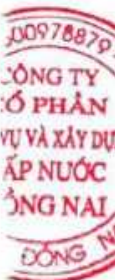
- *Tán thành* :cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- *Không tán thành*:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.
- *Không có ý kiến*:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Nội dung này đã được thông qua.

9.3 Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty năm 2025; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên năm 2025.

*** Kết quả biểu quyết:**

- *Tán thành* :cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.



- Không tán thành:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Không có ý kiến:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Nội dung này đã được thông qua.

9.4 Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025

*** Kết quả biểu quyết:**

- Tán thành :cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Không tán thành:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Không có ý kiến:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Nội dung này đã được thông qua.

9.5 Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2025; kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2026

*** Kết quả biểu quyết:**

- Tán thành :cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Không tán thành:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Không có ý kiến:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Nội dung này đã được thông qua.

9.6 Thông qua tờ trình Quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026

*** Kết quả biểu quyết:**

- Tán thành :cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Không tán thành:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Không có ý kiến:cổ phần chiếm% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Nội dung này đã được thông qua.

9.7 Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.

*** Kết quả biểu quyết:**

- *Tán thành* :*cổ phần chiếm*% *số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

- *Không tán thành*:*cổ phần chiếm*% *số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

- *Không có ý kiến*:*cổ phần chiếm*% *số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

Nội dung này đã được thông qua.

9.8 Thông qua tờ trình Sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty.

*** Kết quả biểu quyết:**

- *Tán thành* :*cổ phần chiếm*% *số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

- *Không tán thành*:*cổ phần chiếm*% *số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

- *Không có ý kiến*:*cổ phần chiếm*% *số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

Nội dung này đã được thông qua.

9.9 Thông qua tờ trình Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty.

*** Kết quả biểu quyết:**

- *Tán thành* :*cổ phần chiếm*% *số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

- *Không tán thành*:*cổ phần chiếm*% *số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

- *Không có ý kiến*:*cổ phần chiếm*% *số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

Nội dung này đã được thông qua.

9.10 Thông qua tờ trình Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

*** Kết quả biểu quyết:**

- *Tán thành* :*cổ phần chiếm*% *số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

- *Không tán thành*:*cổ phần chiếm*% *số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

- *Không có ý kiến*:*cổ phần chiếm*% *số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

9.11 Thông qua tờ trình Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

*** Kết quả biểu quyết:**

- *Tán thành* :.....*cổ phần chiếm*% *số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

- *Không tán thành*:.....*cổ phần chiếm*%*số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

- *Không có ý kiến*:.....*cổ phần chiếm*%*số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

Nội dung này đã được thông qua.

10. Bà Nguyễn Thị Tân Hường - Thư ký Đại hội trình bày Dự thảo Biên bản họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2026

11. Chủ tọa Đại hội lấy ý kiến biểu quyết thông qua nội dung Dự thảo Biên bản họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2026

Đại hội đã biểu quyết nhất trí % số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

12. Bà Nguyễn Thị Tân Hường - Thư ký Đại hội trình bày Dự thảo Nghị quyết họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2026

13. Chủ tọa Đại hội lấy ý kiến biểu quyết thông qua nội dung Dự thảo Nghị quyết họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2026

Đại hội đã biểu quyết nhất trí % số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia thông qua Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Buổi họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai đã kết thúc lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày.

THƯ KÝ

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Nguyễn Thị Tân Hường

Nguyễn Anh Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 52 -Cách Mạng Tháng 8, P.Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: (0251)3847241;

Fax: (0251)3840797;

MST : 3600978879

Website: <http://www.dvxdcn.com>

Số: 01/2026/NQ-ĐHCD-DVW

Trần Biên, ngày 08 tháng 04 năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số: 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai;

- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai ngày 08/4/2026.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2025	THỰC HIỆN NĂM 2025	TỶ LỆ % TH/KH
1	Doanh thu	triệu đồng	47.080	46.626	99,04
2	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	8.130	9.582	117,86
3	Tỷ lệ thất thoát	%	12	12,41	+0,41
4	Tổng số PS phải nộp NS	triệu đồng	7.190	7.593	105,61
5	Đầu tư xây dựng cơ bản	triệu đồng	14.590	80	0,55

1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2026
1	Doanh thu	Triệu đồng	48.150
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	9.982
3	Tỷ lệ thất thoát	%	12
4	Tổng số phát sinh phải nộp NS	triệu đồng	7.800
5	Đầu tư xây dựng cơ bản	triệu đồng	32.300



2. Thông qua Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2025. Kế hoạch hoạt động HĐQT năm 2026.
3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty và hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty năm 2025; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên năm 2025.
4. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025 của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai.
5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2025; kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2026.

5.1 Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2025:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
1	Vốn điều lệ	23.450.000.000
2	Lợi nhuận SXKD sau thuế TNDN :	9.582.341.518
3	Trích lập các quỹ	4.599.523.928
a	Quỹ đầu tư phát triển (30%)	2.874.702.455
b	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (17%)	1.628.998.058
c	Quỹ công tác xã hội cộng đồng (1%)	95.823.415
4	Lợi nhuận còn lại sau trích lập các quỹ	4.982.817.590
5	Lợi nhuận còn lại các năm chuyển sang	5.205.519.178
6	Tổng lợi nhuận còn lại	10.188.336.768
7	Tỉ lệ chia cổ tức/VĐL (30%)	7.035.000.000
8	Tổng lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2026	3.153.336.768

(*) ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện chi trả cổ tức năm 2025 theo quy định.

5.2 Kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2026:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
1	Vốn điều lệ	23.450.000.000
2	Lợi nhuận SXKD sau thuế TNDN :	9.982.000.000
3	Trích lập các quỹ	4.791.360.000
a	Quỹ đầu tư phát triển (30%)	2.994.600.000
b	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (17%)	1.696.940.000
c	Quỹ công tác xã hội cộng đồng (1%)	99.820.000
4	Lợi nhuận còn lại sau trích lập các quỹ	5.190.640.000
5	Lợi nhuận còn lại các năm chuyển sang	3.153.336.768
6	Tỉ lệ chia cổ tức/VĐL (15%) (dự kiến)	3.517.500.000
7	Tổng lợi nhuận còn lại	4.826.476.768

6. Thông qua Tờ trình quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026.

6.1 Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện năm 2025:

- Tiền lương của Chủ tịch HĐQT chuyên trách: 648.000.000 đồng
- Thù lao của HĐQT, BKS không chuyên trách: 540.000.000 đồng

6.2 Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2026:

STT	Nội dung	Số lượng (người)	Mức tạm ứng (đồng/người/ tháng)	Mức thù lao (đồng/người/ tháng)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	36.000.000	
2	Thành viên HĐQT	4		7.000.000
3	Trưởng Ban kiểm soát không chuyên trách	1		7.000.000
4	Thành viên Ban kiểm soát	2		5.000.000
5	Người phụ trách quản trị công ty	1		4.000.000

• Tiền lương và thù lao thực hiện năm 2026 của HĐQT và Ban Kiểm soát sẽ được quyết toán theo các quy định hiện hành và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty.



7. Thông qua các danh sách các Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn một trong ba Công ty kiểm toán trong danh sách dưới đây để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai:

- Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

8. Thông qua Tờ trình Sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của BKS Công ty.

Điều 2: Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có trách nhiệm theo dõi, giám sát và chỉ đạo Ban giám đốc Công ty thực hiện đúng các nội dung của Nghị quyết.

Điều 3: Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 08/4/2026; Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc Công ty, cổ đông công ty và các đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- HĐQT, BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu VT.HĐQT./.

D:HUONG/TLĐHĐCĐ2026

Nguyễn Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

- ❷ -



(DỰ THẢO)

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG
CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Đồng Nai, ngày 08 tháng 04 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

- 00 -



(DỰ THẢO)

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG
CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Đồng Nai, ngày 08 tháng 04 năm 2026

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	6
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Ngành, nghề và mục tiêu hoạt động.....	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	7
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần.....	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	8
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ.....	9
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý.....	9
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	9
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông.....	10
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 15. Đại diện theo ủy quyền	13
Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 18. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 19. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 20. Điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	19

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	22
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	23
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.....	24
Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	24
Điều 27. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị ..	26
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	27
Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	27
Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty	29
CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	30
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý.....	30
Điều 32. Người điều hành Công ty	30
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	30
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT	31
Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát	31
Điều 35. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát.....	32
Điều 36. Trưởng Ban Kiểm soát.....	32
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.....	32
Điều 38. Cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	34
Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát.....	34
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	35
Điều 40. Trách nhiệm căn trọng	35
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	35
Điều 42. Công khai các lợi ích liên quan.....	35
Điều 43. Hợp đồng, giao dịch với người có liên quan.....	35
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	37
CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ	38
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	38
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	38
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn	38
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	38
Điều 47. Phân phối lợi nhuận.....	38

CHƯƠNG XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	39
Điều 48. Tài khoản ngân hàng	39
Điều 49. Năm tài chính	40
Điều 50. Chế độ kế toán.....	40
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	40
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	40
Điều 52. Báo cáo thường niên	40
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN.....	40
Điều 53. Kiểm toán.....	41
CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA CÔNG TY.....	41
Điều 54. Dấu của Công ty.....	41
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....	41
Điều 55. Giải thể Công ty	41
Điều 56. Thanh lý.....	42
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	43
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	43
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	43
Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	43
CHƯƠNG XXI. HIỆU LỰC	44
Điều 59. Hiệu lực.....	44

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025;

c) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

d) “Địa chỉ liên lạc của cổ đông” là địa chỉ của cổ đông trong Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp tại thời điểm gần nhất;

đ) “Người quản lý” bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và người điều hành.

e) “Người điều hành” là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng.

g) “Người có quan hệ gia đình” bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

h) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

i) “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

k) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

l) “Cổ đông phổ thông” là cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông;

m) “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

n) “Công ty mẹ” là Công ty đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật;

o) “Sở giao dịch chứng khoán” là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN,
THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

- Tên tiếng Anh: Dong Nai Water Supply Construction and Services Joint Stock Company.

- Tên Công ty viết tắt: DWCS

- Logo của Công ty:



2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 52, đường Cách Mạng Tháng 8, Phường Trần Biên, tỉnh Đồng Nai.

- Điện thoại: +84 0251 3847241

- Fax: +84 0251 3840797

- E-mail: dvxcdn@yahoo.com.vn

- Website: <http://www.dvxcdn.com>

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ trường hợp giải thể theo Điều 55 Điều lệ này, Công ty hoạt động vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

a) Người đại diện theo pháp luật đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án.

b) Người đại diện theo pháp luật thực hiện trách nhiệm theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Ngành, nghề và mục tiêu hoạt động

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: Ngành, nghề theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng công trình công ích : Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước, trạm bơm.	4220
2	Xây dựng nhà các loại : Xây dựng công trình dân dụng.	4100
3	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác : Xây dựng công trình công nghiệp.	4290
4	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí : Lắp đặt ống cấp nước, thoát nước, bơm.	4322
5	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan : Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, công trình cấp nước. Giám sát thi công lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước. Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng.	7110
6	Sản xuất các cấu kiện kim loại : Sản xuất sản phẩm kim loại ngành xây dựng (Không sản xuất tại trụ sở).	2511

STT	Tên ngành	Mã ngành
7	Khai thác, xử lý và cung cấp nước :Khai thác nước phục vụ công nghiệp. Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.	3600

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Huy động và sử dụng nguồn vốn một cách hiệu quả nhất; không ngừng phát triển các nguồn lực, cải tiến chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng; cải thiện điều kiện làm việc, ổn định cuộc sống cho người lao động, bảo đảm lợi ích hợp pháp của các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh các ngành nghề nêu tại Điều lệ này, đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là **23.450.000.000** đồng (bằng chữ: Hai mươi ba tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **2.345.000** cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Tất cả cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các

điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

8. Tổng số cổ phần nhà đầu tư nước ngoài sở hữu tối đa là 9,5% vốn điều lệ Công ty.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần hoặc thời hạn khác quy định tại phương án phát hành, cổ đông được cấp chứng nhận cổ phiếu. Cổ đông không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán, việc chuyển nhượng thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

4. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty sau khi hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Giám đốc.

CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Điều lệ này và pháp luật quy định; Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, ngoại trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 9 Điều lệ này.

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ **5%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao và theo **khoản 3, khoản 4 Điều 13 Điều lệ này**.

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo **khoản 4 Điều 16 Điều lệ này**;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **10%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định tương ứng tại **các khoản 2 Điều 24 và khoản 2 Điều 34 Điều lệ này**. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp thành nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần; Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

3. Tuân thủ Điều lệ và các quy chế của Công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

4. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;

5. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính

năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 **Điều 140 Luật** Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại **khoản 2 Điều 16** Điều lệ này.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và từng Thành viên Ban Kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.

2. Ngoài nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- e) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- g) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- h) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- k) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách các tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- m) Việc ký kết hợp đồng, giao dịch quy định tại **khoản 5 Điều 43** Điều lệ này;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Đại diện theo ủy quyền

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.

a) Cổ đông là tổ chức phải ủy quyền cho người đại diện là cá nhân theo quy định như sau:

- Cổ đông sở hữu đến dưới 10% tổng số cổ phần chỉ được ủy quyền 01 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 02 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 04 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 06 người đại diện.

b) Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

c) Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;

- Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;

- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;

- Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;

- Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

d) Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại **khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp**;

- Cổ đông là doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được cử người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý doanh nghiệp đó làm người đại diện theo ủy quyền tại Công ty.

2. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại **khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp**.

b) Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

c) Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp bất thường theo các trường hợp quy định tại **điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 13 Điều lệ này**.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền

tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

- đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức họp;
- e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

- g) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại cuộc họp được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất **05 ngày** làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 17. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện **trên 50%** tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

2. Trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc họp mà cuộc họp không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện **ít nhất 33%** tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

3. Trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc họp mà cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 18. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi làm thủ tục đăng ký dự họp, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông được cấp một thẻ biểu quyết và phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên của người đại diện của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, cổ đông giơ thẻ biểu quyết và đánh dấu vào ô tương ứng trong phiếu biểu quyết. Sau khi thu và kiểm phiếu biểu quyết, tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được chủ tọa công bố trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để tổ chức, điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp, bao gồm:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

d) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

đ) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp.

7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Việc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 19. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- b) Định hướng phát triển Công ty;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

Điều 20. Điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sau đây được thông qua nếu được **ít nhất 65%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được chào bán;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện theo khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

3. Trừ các trường hợp quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề khác sẽ được thông qua khi được **trên 50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

4. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông để gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo điểm a khoản 2 Điều 16 Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo khoản 3 Điều 16 Điều lệ này ngoại trừ yêu cầu về thời gian.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của Công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của Công ty;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu, người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ khi kết thúc kiểm phiếu và công bố thông tin theo quy định pháp luật về thị trường chứng khoán.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết về các nội dung sau được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản khi được số cổ đông sở hữu ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được chào bán;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

9. Ngoại trừ các nội dung quy định tại khoản 8 Điều này, nghị quyết về các nội dung khác được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

10. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo Điều này có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số của Công ty;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký; Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này; Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp và công bố thông tin theo quy định pháp luật về thị trường chứng khoán.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất

cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 20 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên **tối thiểu 10 ngày** trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ

40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo khoản 1 Điều 25 Điều lệ này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
- c. Chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác;
- d. Không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty.

- Người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của Công ty mẹ”.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là **05** người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo có tối thiểu 01 thành viên không điều hành.

4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên đó không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo khoản 4 Điều 24 Điều lệ này hoặc có đơn từ chức và được chấp thuận;

b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều này;

d) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị khi số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một

phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong **thời hạn 60 ngày** kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);

đ) Trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ này và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, ngoại trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 14 và khoản 5 Điều 43 Điều lệ này;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Giám đốc và người điều hành khác; cử người đại diện phần vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác, quyết định tiền thưởng và quyền lợi khác của những người này;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty ngoại trừ cơ cấu tổ chức quản lý quy định tại Điều 10 Điều lệ này; quyết định các quy chế quản lý nội bộ của Công ty ngoại trừ các quy chế thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; quyết định

thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện; quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

r) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị Công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Người phụ trách quản trị Công ty và người quản lý khác của Công ty

s) Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

t) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

Điều 27. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả tiền lương, thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách được hưởng thù lao trong quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách được trả lương. Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách do Hội đồng quản trị đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận tiền thưởng theo Quy chế Thưởng của Công ty. Mức thưởng của Chủ tịch và từng thành viên Hội đồng quản trị tạm chi trong năm do Hội đồng quản trị phê duyệt và sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất thông qua.

5. Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị và thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

6. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch phải được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 01 thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là **03 ngày làm việc** trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, tin nhắn điện thoại, email, fax hoặc phương tiện điện tử khác bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn **07 ngày** kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 30. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị tại Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán đang kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG VIII GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc và người điều hành khác. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh người điều hành phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 32. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và tiền thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không được là người có quan hệ gia đình của:

- Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty mẹ;

- Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty;
- Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty mẹ;
- Người đại diện phần vốn của Công ty mẹ tại Công ty.

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

5. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các Trưởng, Phó đơn vị trực thuộc Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả cán bộ thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 34. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc xác định ứng cử viên Ban Kiểm soát và công bố thông tin thực hiện tương tự như quy định tại khoản 1 Điều 24 Điều lệ này.

2. Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 25% đến dưới 50% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa 03 ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát.

4. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không được là người có quan hệ gia đình của:

- Thành viên HĐQT, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty mẹ;
- Thành viên HĐQT, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty;
- Người đại diện phần vốn Công ty mẹ;
- Người đại diện phần vốn của Công ty mẹ tại Công ty.

d. Không phải là người quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ. Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 35. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát là 03 người. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Điều lệ này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 36. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác trong việc quản lý và điều hành công ty; giám sát tình hình tài chính của Công ty; chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và bán niên của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên; Rà soát và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
6. Thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này; Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, phải báo cáo Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra; Việc kiểm tra quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;
8. Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc người điều hành khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao;

11. Có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách các tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

13. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;

14. Xây dựng và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

15. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;

16. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

17. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty;

18. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 38. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 39. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách được hưởng thù lao trong quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách được trả tiền lương theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Các thành viên Ban Kiểm soát được nhận tiền thưởng theo Quy chế Thưởng của Công ty; Mức thưởng của Trưởng Ban và từng thành viên Ban kiểm soát tạm chi trong năm do Hội đồng quản trị phê duyệt và sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất thông qua.

4. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập trong hạn mức ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

5. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của những người này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa họ và những người có liên quan của họ với Công ty, công ty con theo quy định của pháp luật. Công ty phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán về các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận các giao dịch này.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của những người này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 42. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 43. Hợp đồng, giao dịch với người có liên quan

1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho tất cả các cổ đông và người có liên quan của cổ đông.

2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho tất cả những người quản lý của Công ty và những người có liên quan của họ, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Công ty được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các công ty con của Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều này.

4. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các trường hợp sau đây:

a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Điều lệ này.

5. Các hợp đồng, giao dịch sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a) Các hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

b) Các **hợp đồng, giao dịch có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị** tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu **từ 51% tổng số cổ phần** có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;

Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong các trường hợp này, cổ đông không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng, giao dịch mà cổ đông đó có lợi ích liên quan.

6. Các hợp đồng, giao dịch sau đây phải được Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Các hợp đồng, giao dịch tại điểm a khoản 5 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất;

b) Các hợp đồng, giao dịch tại **điểm b khoản 5 Điều** này có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất;

Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên Hội đồng quản trị không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng, giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động

trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ tương ứng với quy định tại điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 11 và điểm b khoản 2 Điều 11 Điều lệ này.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc trình Hội đồng quản trị thông qua chủ trương về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.

2. Giám đốc trình Hội đồng quản trị thông qua chủ trương về quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo Luật Công đoàn, Điều lệ Công đoàn và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức trong phạm vi kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

6. Sau khi bù đắp khoản lỗ của các năm trước (nếu có), Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế bao gồm: Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi; Quỹ thưởng cho cá nhân, đơn vị hữu quan; Quỹ công tác xã hội cộng đồng.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

8. Nguyên tắc xử lý lỗ trong kinh doanh:

Trong trường hợp quyết toán năm tài chính bị lỗ, Hội đồng quản trị phải đề xuất Đại hội đồng cổ đông xử lý theo hai phương án sau:

a) Chuyển lỗ sang năm sau theo các quy định hiện hành, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.

b) Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhiều năm mà vẫn không khắc phục được thì Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét quyết định các biện pháp xử lý theo Luật Pháp sản.

9. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau đó.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 53 Điều lệ này. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một tổ chức kiểm toán độc lập hoặc phê duyệt danh sách các tổ chức kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các tổ chức này thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 54. Dấu của Công ty

1. Dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Giải thể theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

3. Trình tự, thủ tục giải thể Công ty

Việc giải thể Công ty theo quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết, quyết định giải thể Công ty. Trường hợp giải thể do bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, Công ty phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết, để quyết định giải thể.

b) Nghị quyết, quyết định giải thể Công ty phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- Lý do giải thể;
- Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Công ty;
- Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

c) Hội đồng quản trị thành lập Ban thanh lý tài sản Công ty.

d) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, nghị quyết, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong Công ty. Nghị quyết, quyết định giải thể phải được đăng trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.

Trường hợp Công ty còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo nghị quyết, quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích có liên quan. Phương án giải quyết nợ phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

đ) Người đại diện theo pháp luật gửi hồ sơ giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của Công ty.

Điều 56. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác;
- đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ điểm a đến điểm d trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi (nếu có) được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp hoặc các quy định pháp luật khác giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác,

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trường Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Toà án có thẩm quyền.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo Bản án/Quyết định của Toà án.

CHƯƠNG XX

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật

mới khác với nội dung trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI HIỆU LỰC

Điều 59. Hiệu lực

1. Điều lệ này gồm 21 chương 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai thông qua tại Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHCD-DVW ngày 08/04/2026 thay thế cho Điều lệ ngày 15/04/2025.

2. Điều lệ này được lập thành 07 bản, có giá trị như nhau, 01 bản được đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh, 06 bản còn lại được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HĐQT

Trịnh Hùng Sơn

Nguyễn Anh Tuấn

